**THÔNG ĐIỆP FIDES ET RATIO**

**(ĐỨC TIN VÀ LÝ TRÍ)**

**CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II**

**GỞI TẤT CẢ CÁC GIÁM MỤC THUỘC GIÁO HỘII CÔNG GIÁO**

**VỀ NHỮNG TƯƠNG QUAN CỦA ĐỨC TIN VÀ LÝ TRÍ**

**BAN HÀNG NGÀY 14 THÁNG 09 NĂM 1998**

\*\*\*



***Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II***

\*\*\*

 **CHƯƠNG V**

**SỰ CAN THIỆP CỦA HUẤN QUYỀN TRONG LÃNH VỰC TRIẾT HỌC**

***Sự biện phân của Huấn quyền như phục vụ chân lý***

**49.** Giáo Hội không đề nghị một triết học riêng, cũng không phong thần cho một nền triết học đặc thù, gây thương tổn cho các triết học khác.[[1]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn1) Sở dĩ có sự dè dặt này là vì triết học, cả trong tương quan của nó với thần học, phải diễn tiến theo những phương pháp riêng; chẳng vậy, không bảo đảm được rằng, triết học vẫn hướng về chân ly, và hướng về chân lý như thế là nhờ đường lối có thể kiểm chứng cách hữu lý. Một triết học không diễn tiến dưới ánh sáng của của lý trí, theo những nguyên lý và những phuơng pháp riêng, sẽ không phải là một trợ lực lớn. Rút cuộc, nguồn mạch củasự tự quyết mà triết học thừa hưởng phải tìm nơi sự kiện này là, lý trítheo bảntính, phải hướng về chân lý và, đàng khác, nó có nơi chính mình những phương tiện để đạt tới chân lý. Một triết học ý thức về *“tình trạng cơ cấu” (statut constitutif)* của mình cũng không thể không tôn trọng những đòi hỏi và những hiển minh riêng biệt của chân lý mặc khải.Nhưng lịch sử đã cho thấy những lạc hướng và những sai lầm mà tư tưởng triết học, nhất là tư tưởng hiện đại thường hay sa vào. Huấn quyền không có bổn phận cũng không có thẩm quyền để bổ khuyết những sơ hở của một chủ truơng triết học thiếu sót. Trái lại, Giáo Hội có bổn phận phải phản ứng một cách rõ rệt và mạnh mẽ khi những chủ trương triết học chưa chắc chắn, nguy hại cho sự hiểu biết đúng đắn điều được mặc khải, và khi người ta phổ biến những học thuyết sai lầm và bè phái reo rắc những sai lầm nghiêm trọng, gây hoang mang cho đức tin đơn thành và trong sáng của dân Thiên Chúa.

**50.** Vậy theo ánh sáng đức tin, Huấn quyền của Giáo Hội có thể và phải thi hành quyền biện phân phê phán riêng biệt của mình đối với những triết học, và những chủ trương tương phản với đạo lý Kitô giáo.[[2]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn2) Trước hết nhiệm vụ của Huấn quyền là chỉ cho thấy những tiền đề và những kết luận triết lý nào không phù hợp với chân lý mặc khải, do đó theo quan điểm đức tin đưa ra những đòi hỏi buộc triết học phải theo. Vả lại, trong sự phát triển của tri thức triết lý, đã xuất hiện nhiều trường phái tư tưởng. Sự đa phức này cũng đặt Huấn quyền trước trách nhiệm phải đưa ra phán đoán xem, những quan niệm nền tảng, mà các trường phái qui chiếu, có phù hợp hay bất phù hợp của với những đòi hỏi riêng của lời Thiên Chúa và của suy tư thần học.

Giáo Hội có bổn phận vạch ra, những chi trong một hệ thống triết học có thể không phù hợp với đức tin của mình. Quả thực, nhiều đề tài triết học, như những đề tài liên quan đến con người, đến sự tự do và hành vi luân lý, trực tiếp liên hệ đến đức tin, vì bàn về chân lý mặc khải mà Giáo Hội phải bảo vệ. Khi biện phân như thế, chúng tôi, những Giám mục, phải là những *“chứng nhân của chân lý”* trong việc phục vụ khiêm nhu, nhưng cương quyết, mà mọi triết gia phải trân trọng, để mang thiện ích cho lý trí ngay thẳng, nghĩa là lý trí phản tỉnh cách đúng đắn về điều thật.

**51.** Trước hết, không nên hiểu việc biện phân này theo nghĩa tiêu cực, như thể chủ ý của Huấn quyền là khai trừ hay hủy bỏ mọi trung gian khả dĩ. Trái lại, những can thiêp của Huấn quyền trước hết là khích lệ, là huy động và cổ võ tư tưởng triết học. Đàng khác, những triết gia là những người trước tiên phải hiểu sự tự phê và sự sửa chữa những sai lầm ngẫu nhiên, cũng như nhu cầu phải vượt qua những giới hạn quá hẹp hòi mà suy tư của họ đã bị hun đúc. Cách riêng, phải cho rằng chân lý là duy nhất, dù biểu thức của nó vẫn mang dấu ấn của lịch sử, hơn nữa những biểu thức này là công trình của lý trí nhân loại đã bị tội lỗi đả thương và làm suy yếu. Do đó, không có hình thức lịch sử của triết lý nào có thể hy vọng một cách hợp pháp là bao hàm toàn thể chân lý, hoặc giải thích đầy đủ về con người, về thế giới và về tương quan của con người với Thiên Chúa.

Và ngày nay, vì sự gia tăng của nhiều hệ thống, nhiều phương pháp, nhiều quan niệm và nhiều lý chứng triết học, thường thường rất chi tiết, nên việc biện phân phê bình theo ánh sáng đức tin trở nên rất khẩn trương. Việc biện phân này không dễ dàng, vì nếu việc nhận biết khả năng cố hữu và bất khả nhượng của trí khôn, với những giới hạn cơ cấu và lịch sử đã là khó, thì khi phân biệt xem trong các mệnh đề triết lý, điều nào có giá trị và phong nhiêu theo quan điểm đức tin, và ngược lại, điều nào nguy hiểm và sai lầm, càng có phần khó khăn hơn Dù sao, Giáo Hội cũng biết rằng những *“kho tàng thông tuệ và kiến thức”* được giấu ẩn trong Chúa Kitô *(Cl 2,3)*; cho nên Giáo Hội can thiệp bằng cách kích thích sự suy tư triết lý, để con đường dẫn đến sự nhìn nhận mầu nhiệm khỏi bị khép lại.

**52.** Việc Huấn quyền can thiệp để giãi bày tư tưởng của mình, trong những điều liên can đến những đạo lý triết học đặc thù, không phải là sự kiện mới mẻ. Chỉ cần nhắc lại rằng, qua các thế kỷ, những tuyên ngôn về những học thuyết quả quyết về tiền kiếp của các linh hồn,[[3]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn3) hoặc về những hình thức thờ ngẫu tượng và những thuyết bí truyền mê tín, hàm súc trong những luận đề của thuật chiêm tinh,[[4]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn4) ấy là chưa nói đến một số đề luận của thuyết Averroes Latin không thể phù hợp với đức tin Kitô giáo.[[5]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn5)

Sở dĩ từ hậu bán thế kỷ này Huấn quyền lên tiếng thường xuyên hơn, là vì trong quãng thời gian đó nhiều người Công Giáo tự cho mình có bổn phận phải đối lập những luồng tư tuởng hiện kim khác nhau với triết học riêng của mình. Về điểm này, Huấn quyền cần phải canh chừng để chính những triết học ấy khỏi ngả theo những hình thức sai lạc và tiêu cực. Như vậy, một đàng những thuyết như *Duy Tín (fidéisme)*,[[6]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn6) Duy Truyền Thống cực đoan[[7]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn7) đều bị chỉ trích một cách song song, vì coi khinh khả năng tự nhiên của lý trí; đàng khác là những thuyết *Duy Lý (rationalisme)*,[[8]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn8) *Duy Thực Thể (ontologisme)*,[[9]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn9) vì chúng gán cho lý trí tự nhiên những điều chỉ nhờ ánh sáng đức tin ta mới có thể biết. Nội dung tích cực của cuộc tranh luận ấy là đối tượng của bản điều trần mạch lạc trong Hiến Chế tín lý Con Thiên Chúa *(Dei Filius)*, qua đó, Công Đồng Chung Vatican I đã long trọng can thiệp để bàn về những tương quan giữa lý trí và đức tin. Giáo huấn của văn kiện ấy khích lệ cách mạnh mẽ và tích cực nhiều tín hữu để nghiên cứu triết học, và ngày nay còn là tài liệu quy chiếu, và là qui tắc giúp cho sự suy tư Kitô hữu được đúng đắn và mạch lạc trong lãnh vực đặc thù đó.

**53.** Những tuyên ngôn của Huấn quyền không nhằm vào những đề luận triết học cụ thể cho bằng vào sự cần thiết của nhận thức lý trí, và rút cuộc của sự tiếp cận triết lý để hiểu đức tin. Công Đồng Chung Vatican I, khi tổng hợp và khi tái khẳng định cách long trọng những giáo huấn mà, Huấn quyền Giáo Hoàng, theo cách thông thường và liên lỉ, cho thấy sự nhận thức tự nhiên về Thiên Chúa và Mặc khải, cũng như lý trí và đức tin, là những điều bất khả phân ly và không thể giản lược. Công Đồng Chung khởi diễn từ yêu sách cơ bản, hiểu ngậm trong chính Mặc khải, là khả năng tự nhiên nhận biết sự thực hữu của Thiên Chúa, thủy chung vạn vật,[[10]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn10) và Công Đồng Chung kết luận bằng cách long trọng khẳng định: *“Có hai loại nhận thức, khác nhau chẳng những về nguyên lý mà về cả đối tượng nữa”*.[[11]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn11) Vậy chống với mọi hình thức Duy lý, phải khẳng định sự phân biệt giữa những mầu nhiệm đức tin và những khám phá triết học, cũng như sự siêu việt và ưu tiên của những mầu nhiệm đức tin đối với những khám phá triết học; đàng khác chống với nỗ lực Duy tín, cần phải tái xác định sự thuần nhất của chân lý và nhiên hậu sự đóng góp tích cực mà nhận thức hữu lý có thể, và phải mang lại cho nhận thức đức tin: *“Tuy nhiên, dù đức tin vượt trên lý trí, nhưng không bao giờ có sự xung khắc giữa đức tin và lý trí, vì cũng một Thiên Chúa mặc khải những mầu nhiệm và thông ban đức tin là Đấng ban ánh sáng của lý lẽ xuống trong trí khôn nhân loại: Thiên Chúa không thể phủ nhận chính mình, cũng như chân lý không bao giờ tương phản với chân lý”*.[[12]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn12)

**54.** Trong thế kỷ của chúng ta. Huấn quyền cũng đã nhiều lần trở lại với vấn đề này. Ta phải đăt những can thiệp của thánh Giáo Hoàng Pio X vào hoàn cảnh này, người đã nêu rõ rằng, dưới nền tảng của thuyết Duy tân có những khẳng định triết học theo khuynh hướng hiện tượng luận, bất khả tri và duy tâm.[[13]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn13) Ta cũng không thể quên tầm quan trọng của việc Công Giáo tẩy chay triết học Marxist và Cộng sản vô thần.[[14]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn14)

Đến lượt mình, Đức Giáo Hoàng Pio XII đã lên tiếng trong *Thông điệp Humani Generis*, khi ngài phòng ngừa chống với những giải thích sai lầm, liên kết với các chủ trương của những thuyết Biến hoá, Hiện sinh, và Duy lịch sử. Ngài xác định rằng những thuyết ấy chưa chín mùi và chưa được những nhà thần học trình bày, và chúng đã thoát thai *“ngoài đoàn chiên của Đức Kitô”*;[[15]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn15)ngài cũng thêm rằng không nên đơn thuần tẩy chay những sai lạc đó, nhưng phải nghiên cứu chúng một cách phê bình. *“Những nhà thần học và triết gia Công Giáo, có trọng trách phải bảo vệ chân lý nhân loại và thần linh, và làm cho nó thấm nhập vào tâm trí con người, không thể u minh hay chểnh mảng về những thuyết lý hơn kém đã đi trệch con đường ngay thẳng. Hơn nữa, họ phải biết chúng, vì những điều ác chỉ có thể được khai trừ khi được biết trước, lại vì dưới chính những chủ trương sai lầm đôi khi cũng chứa đựng yếu tố của chân lý, sau hết vì những khẳng định ấy mời gọi trí tuệ khám phá và suy cứu một cách cẩn thận hơn một vài chân lý triết học và thần học”*.[[16]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn16)

Mới đây hơn, Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, khi chu toàn trách nhiệm riêng của mình là phục vụ Huấn quyền phổ quát của Đức Giáo Hoàng[[17]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn17) cũng đã phải can thiệp để nhắc nhở đến nguy cơ hàm chứa trong việc một vài nhà thần học giải phóng, chấp nhận một cách thiếu phê bình những luận đề và phương pháp phát xuất từ thuyết marxist.[[18]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn18)

Trong quá khứ, Huấn quyền đã nhiều lần và nhiều cách thi hành sự biện phân của mình trong lãnh vực triết học. Tất cả những điều, mà các vị Tiền nhiệm đáng kính của tôi để lại, là sự đóng góp quí giá không thể bỏ trong quên lãng.

**55.** Nếu chúng ta lưu ý đến hiện tình, chúng ta thấy những vấn đề dĩ vãng lại tái xuất, nhưng dưới những hình thức khác. Không còn nguyên những vấn đề liên hệ đến những cá nhân riêng lẻ hay đến những nhóm, nhưng là những xác tín phổ cập trong môi trường, đến độ một cách nào đó trở thành não trạng chung. Điều đó đúng, chẳng hạn sự khinh thị đối với lý trí bộc lộ trong những phát triển mới đây của nhiều nghiên cứu triết học. Về điểm này, ở nhiều phía, người ta đã nghe nói đến thời *“tận số của siêu hình học”*, người ta muốn rằng triết học phải an phận với những chức năng khiêm tốn hơn, nghĩa là với việc giải thích suông những sự kiện, nghiên cứu suông về một số lãnh vực của kiến thức nhân loại và về những cơ cấu của nó.

Trong chính thần học, những khuynh hướng dĩ vãng cũng muốn hồi phục. Chẳng hạn, trong một số thần học hiện kim, một hình thức của *thuyết duy lý* đang phát triển, nhất là khi những khẳng định được kể là chắc chắn về mặt triết học được coi như những qui tắc để nghiên cứu thần học. Điều đó trước hết xảy ra, khi nhà thần học, vì thiếu khả năng triết học, để mình do dự cách phi phê bình bởi những khẳng định từ nay đã trở nên thành phần của ngôn ngữ và của văn hóa thông dụng, nhưng thiếu nền tảng lý luận thoả đáng.[[19]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn19)

Ta cũng thấy những co rút theo *thuyết duy tín*, vì không biết tầm quan trọng của nhận thức hữu lý và của lý luận triết học dể hiểu biết đức tin, hơn nữa để có thể tin vào Thiên Chúa. Một kiểu nói phổ biến ngày nay của khuynh hướng duy tín này là *“duy kinh thánh”*, muốn làm cho việc đọc Thánh Kinh hay là chú giải Thánh Kinh trở thành điểm qui chiếu chân thực duy nhất. Thành thử lời Thiên Chúa thì đồng nhất với một mình sách Thánh, và như vậy làm cho đạo lý của Giáo Hội mà Công Đồng Chung Vatican II đã củng cố một cách rõ ràng trở thành vô ích. Sau khi đã nhắc lại rằng, lời Thiên Chúa hiện hữu cả trong bản văn Thánh Kinh lẫn Thánh truyền, Hiến chế *Mặc khải* khẳng định cách mạnh mẽ rằng: *“Thánh truyền và Thánh Kinh làm thành kho tàng duy nhất của lời Thiên Chúa, được ủy thác cho Giáo Hội; khi gắn bó với Giáo Hội, toàn thể dân thánh liên kết với các chủ chăn không ngừng trung thành với giáo huấn của các Tông đồ”*.[[20]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn20) Nhưng đối với Giáo Hội, Thánh Kinh không phải là chỗ qui chiếu duy nhất. Quả thực, “qui tắc tối thượng của đức tin”[[21]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn21) là do sự hiệp nhất mà Chúa Thánh Thần đã thực hiện giữa Thánh truyền, Thánh Kinh và Huấn quyền của Giáo Hội, trong một sự hỗ tương đến độ cả ba không thể tồn tại cách độc lập.[[22]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn22)

Ngoài ra, không nên coi thường nguy cơ cố hữu của ý muốn làm cho chân lý của Thánh Kinh phát xuất từ việc áp dụng một phương pháp luận duy nhất, và quên luôn sự cần thiết của sự chú giải rộng rãi hơn, cho phép cùng với Giáo Hội đạt tới ý nghĩa đầy đủ của bản văn. Nhũng ai dấn thân học hỏi Thánh Kinh phải luôn luôn đinh ninh rằng, chính những phương pháp chú giải khác nhau, từ nền tảng đều có một quan niệm triết học: nên phải nghiên cứu nó một cách phê bình trước khi áp dụng vào những bản văn Thánh Kinh.

Những hình thức duy tín ẩn tàng khác có thể nhận thấy ở thái độ rẻ rúng đối với suy tư thần học trừu tượng, cũng như sự coi khinh triết học kinh viện, nhờ nhũng ý niệm triết học mà sự hiểu biết đức tin và những công thức tín lý đã tìm ra những cụm từ. Đức Thánh Cha đáng nhớ Pio XII đã đề phòng chống với sự quên lãng truyền thống triết học ấy và chống với việc lãng quên những cụm từ truyền thống.[[23]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn23)

**56.** Tóm lại, người ta nhận thấy sự khinh thị thường tình đối với những khẳng định tống quát và tuyệt đối, nhất là nơi những người cho chân lý là thành quả của sự đồng thuận, chứ không phải sự phù hợp của trí khôn với thực tại khách quan. Ta dễ hiểu trong một thế giới có nhiều chuyên ngành đồng tồn, rất khó nhận ra ý nghĩa đầy đủ và tối hậu mà triết học đã tìm kiếm theo truyền thống. Tuy nhiên, theo ánh sáng của đức tin nhìn nhận ý nghĩa đầy đủ ấy nơi Chúa Giêsu Kitô, tôi không thể không khích lệ các triết gia, Kitô hữu hay không, hãy tín nhiệm vào khả năng của lý trí con người và đừng nhắm những mục đích quá khiêm tốn trong suy tư triết học của mình. Bài học của lịch sử ngàn năm mà chúng ta sắp kết thúc này, chứng thực đó là con đường phải theo; đừng để mất niềm say mê đối với chân lý tối hậu và sự hăng say tìm kiếm, phối hiệp với lòng cản đảm để khám phá những con đường mới. Chính đức tin kích thích lý trí thoát ra khỏi tình trạng cô lập, và tình nguyện đương đầu với những gian nguy để tìm kiếm tất cả những chi là chân, thiện, mỹ. Như vậy đức tin là trạng sư đầy xác tín và làm cho lý trí được xác tín.

***Giáo Hội lưu tâm đến triết học***

**57.** Dù sao, Huấn quyền cũng không vạch ra những sai lầm và những lạc hướng của các học thuyết triết lý mà thôi. Với cũng một mối chăm chú, Giáo Hội muốn khẳng định lại những nguyên lý nền tảng để thực sự canh tân tư tưởng triết học, bằng cách chỉ vẽ những con đường cụ thể phải theo. Theo đường lối này, qua *Thông điệp Aeterni Patris*, Đức Giáo Hoàng Leo XIII đã đi một bước có tầm mức lịch sử đích thực đối với sinh hoạt của Giáo Hội. Cho đến ngày nay, bản văn này là văn kiện Giáo Hoàng duy nhất trong lãnh vực này được cúng hiến cho triết học. Đức Giáo Hoàng vĩ đại này đã lấy lại và triển khai giáo huấn của Công Đồng Chung Vatican I về những tương quan giữa đức tin và lý trí, bằng cách chứng minh rằng tư tưởng triết học là một đóng góp nền tảng cho đức tin và cho thần học.[[24]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn24) Cách đây đã hơn một thế kỷ rồi mà nhiều yếu tố hàm chứa trong bản văn ấy không mất mảy may giá trị về phương diện thực hành cũng như giáo khoa; yếu tố hàng đầu liên quan đến trị khôn sánh của triết học thánh Thomas. Đức Giáo Hoàng Leo XIII cho việc đề nghị lại tư tưởng của thánh Tiến sĩ thiên thần là con đường tốt nhất để biết sử dụng triết học cho phù hợp với những đòi hỏi của đức tin. Ngài viết: *“Đang khi hoàn toàn phân biệt đức tin với lý trí tự nhiên, như điều đương nhiên, thánh Thomas cũng phối hiệp cả hai lại trong mối giây thân hữu giao hỗ; người đã duy trì cho cả hai những quyền lợi riêng và bảo vệ phẩm giá của cả hai”*.[[25]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn25)

**58.** Người ta thấy rằng lời kêu gọi đó của Đức Giáo Hoàng đã mang lại nhiều thành quả phúc lợi. Việc học hỏi tư tưởng của thánh Thomas đã có một đà tiến mới. Những nghiên cứu lịch sử được cổ võ một cách mạnh mẽ với việc khám phá những phong phú của tư tưởng trung cổ, cho đến lúc đó chưa được biết tới, và việc thiết lập nhiều tân học hiệu Thomas. Với việc sử dụng phương pháp sử quan, việc nhận biết tác phẩm của thánh Thomas đã có những phát triển vĩ đại và rất nhiều nhà nghiên cứu đã du nhập một cách can đảm truyền thống Thomas vào trong những tranh luận về những vấn đề triết học và thần học của thời nay. Những nhà thần học Công Giáo có ảnh hưởng nhất trong thế kỷ này, mà sự suy tư và nghiên cứu đã trợ lực nhiều cho Công Đồng Chung Vatican II, là những đệ tử của việc canh tân triết học Thomas. Trong thế kỷ XX Giáo Hội đã có thể vận dụng được một số lớn những nhà tư tưởng xuất sắc, được huấn luyện tại trường của thánh Tiến sĩ thiên thần.

**59.** Dù sao, thì sự canh tân học thuyết Thomas không phải là dấu chỉ duy nhất của việc phục hồi tư tưởng triết học trong văn hóa theo tinh thần Kitô giáo. Trước đó và song song với lời mời gọi của Đức Giáo Hoàng Leo XIII, đã xuất hiện nhiều triết gia Công Giáo, những người theo những trào lưu tư tưởng mới hơn, đã biên soạn theo phương pháp riêng những tác phẩm triết học có ảnh hưởng lớn, và có giá trị bền vững. Một số đã quan niệm những tổng hợp có giá trị đến độ không có gì phải phân bì với những hệ thống lớn của duy tâm; những vị khác, đã đặt nền tảng nhận thức luận cho việc tiếp cận với đức tin theo ánh sáng của một sự hiểu biết dược canh tân của lương tâm luân lý; còn có những vị khác chủ trương dung hòa những yêu sách của đức tin trong phối cảnh của phương pháp hiện tượng luận. Kỳ thực, theo những quan điểm khác nhau, người ta đã tiếp tục thực hành những kiểu mẫu suy tư triết học, chủ trương gìn giữ cho thật sống động truyền thống vĩ đại của tư tưởng Kitô giáo trong sự hiệp nhất giữa đức tin và lý trí.

**60.** Về phần mình, Công Đồng Chung Vatican II trình bày một giáo huấn rất súc tích và phong phú trong những vấn đề liên quan đến triết học. Tôi không thể quên, nhất là trong luồng tư tưởng của Thông điệp này, cả một chương riêng biệt của Hiến Chế*Niềm vui và Hy vọng*, đã cung cấp thuyết nhân chủng học Thánh Kinh cô đọng, cũng là nguồn hứng khởi cho triết học. Những trang ấy bàn về giá trị của nhân vị được dựng nên theo hình ảnh của Thiên Chúa; những trang ấy chứng minh phẩm giá và sự trổi vượt của con người trên mọi thụ tạo được, và cho thấy khả năng siêu việt của trí tuệ *(xc. số 14-15)*. Vấn đề vô thần cũng được đề cập tới trong *Niềm vui và Hy vọng*, và những sai lầm của cái nhìn triết lý này cũng được nghiên cứu kỹ lưỡng, nhất là đối với phẩm giá bất khả nhượng của nhân vị và sự tự do của con người.[[26]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn26) Câu nói tuyêt đích của những trang Hiến chế ấy quả đã mang một ý nghĩa triết lý sâu sắc; tôi đã lấy lại câu nói ấy trong Thông điệp thứ nhất của tôi về *Đấng Cứu chuộc con người*; nó là một trong những điểm qui chiếu liên lỉ trong giáo huấn của tôi: *“Thực ra, mầu nhiệm của con nguời chỉ được soi sáng cách đích thực trong mầu nhiệm Ngôi Lời nhập thể. Quả thực, Adam, con người thứ nhất là hình ảnh con người sẽ đến, nghĩa là Đức Kitô. Adam mới, Đức Kitô, trong khi mặc khải Chúa Cha và tình yêu của Người, đã giãi bày đầy đủ con người cho con người và vén màn cho thấy ơn gọi cao cả của con người”*.[[27]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn27)

Công Đồng Chung cũng bận tâm đến việc dạy triết học, môn mà các ứng viên chức linh mục phải học; đây là những khuyến cáo có thể áp dụng cách tổng quát cho toàn thể việc giáo huấn kito giáo: “Phải dạy các bộ môn triết học thế nào, để trước hết có thể dìu dắt các chủng sinh thâu thập được một kiến thức chắc chắn và có hệ thống về con người, về thế giới và về Thiên Chúa; hãy lấy di sản triết học luôn luôn có giá trị làm điểm tựa, đồng thời hãy sử dụng những công trình nghiên cứu triết học hiện đại.[[28]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn28)

Những hướng dẫn ấy đã nhiều lần được tái khẳng định và được giãi bày trong những văn kiện khác của Huấn quyền, với mục đích bảo đảm một nền huấn luyện chắc chắn về triết học, nhất là cho những người chuẩn bị học thần học. Phần tôi, đã nhiều lần tôi nhấn mạnh đến việc đào tạo triết học cho những ai một ngày nào đó, trong đời sống mục vụ, phải đương đầu với những thực tại của thế giới hiện kim, và nắm bắt những lý do của một số thái độ để đối đáp cho dễ dàng.[[29]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn29)

**61.** Nếu, trong nhiều trường hợp cần phải can thiệp vào đề tài này, bằng cách tái khẳng định giá trị của những kiến thức của thánh Tiến sĩ thiên thần và nhấn mạnh đến việc hấp thụ tư tưởng của người, thì đó là vì những hướng dẫn của Huấn quyền không luôn luôn được tuân giữ một cách thoả đáng. Tại nhiều trường Công Giáo, trong những năm hậu Công Đồng Chung Vatican II, ta có thể thấy một thứ tàn úa về điểm này, và đó là vì thiếu quí trọng chẳng những đối với triết học kinh viện, mà đối với triết học nói chung. Với nỗi ngạc nhiên và nuối tiếc, tôi nghiệm thấy một số nhà thần học cũng coi thường việc học triết lý.

Những lý do của sự chểnh mảng này thì khác nhau. Trước hết, phải kể đến việc phần lớn triết học ngày nay coi thường lý trí, bỏ bê việc nghiên cứu siêu hình về những vấn đề tối hậu của con người, để tập trung chú ý vào những vấn đề riêng lẻ và địa phương, đôi khi hoàn toàn hình thức. Đàng khác, phải thêm vào đó sự ngộ nhận lên quan riêng biệt đến những *“khoa nhân văn”*. Công Đồng Chung Vatican II đã hơn một lần nhắc lại giá trị tích cực của việc nghiên cứu khoa học để hiểu biết sâu xa về mầu nhiệm con người.[[30]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn30) Không nên giải thích lời mời gọi những nhà thần học tìm hiểu những khoa này, và khi gặp dịp thì áp dụng một cách đúng đắn vào những nghiên cứu của mình, như thể mặc nhiên cho phép loại bỏ triết học hay thay thế nó trong việc huấn luyện mục vụ và trong sự *chuẩn bị đức tin*. Ta cũng không thể quên hứng thú đã tìm lại được trong việc hội nhập văn hóa của đức tin. Cách riêng, đời sống của những Giáo Hội trẻ đã giúp khám phá không những các hình thức khai mở của của tư tưởng, mà cả những kiểu nói khác nhau của minh triết bình dân. Điều đó kiến tạo nên gia sản đích thực của các văn hóa và những truyền thống. Tuy nhiên, sự học hỏi những phong tục truyền thống phải đi song song với nghiên cứu triết học. Triết học sẽ cho phép rút tỉa ra những nét tích cực của sự thông tuệ bình dân, như thế là kiến tạo những liên lạc cần thiết giữa văn hóa truyền thống và việc loan truyền Tin Mừng.[[31]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn31)

**62.** Tôi muốn mạnh mẽ nhắc lại rằng việc học hỏi triết lý phải mang tích cách nền tảng, và ta không thể bỏ triết học trong qui trình học thần học và trong việc đào tạo những ứng viên chức linh mục. Việc xếp sắp một thời gian để học triết học trước khi học thần học không phải là tình cờ trong qui trình thần học. Việc lựa chọn ấy, đã được Công Đồng Chung Laterano V châu phê,[[32]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn32)đã bén rễ trong kinh nghiệm chín chắn suốt thời Trung cổ, khi qui trình hài hòa giữa kiến thức triết học và thần học được chứng minh rõ rệt. Dù chỉ gián tiếp, cách tổ chức học vấn như thế đã ảnh hưởng, đã dễ dàng hoá và đã khích lệ phần lớn những phát triển của triết học hiện kim. Gương mẫu điển hình là ảnh hưởng của những Tranh luận siêu hình của F. Suarez, những tranh luận đã được trọng dụng cả trong những đại học Luthero bên Đức. Trái lại, sự vắng bóng phương pháp ấy là căn nguyên của những thiếu sót trầm trọng trong việc đào tạo linh mục cũng như trong việc nghiên cứu thần học. Chỉ cần nghĩ đến, chẳng hạn, sự thiếu chú ý đối với việc phản tỉnh và đối với văn hóa hiện đại, đã đưa đến việc từ khước mọi đối thoại, hay chấp nhận một cách không phân biệt mọi triết học.

Tôi hy vọng mãnh liệt rằng những trở ngại ấy sẽ được vượt qua do việc đào tạo triết học và thần học một cách sáng suốt, là điều không bao giờ có thể vắng bóng trong Giáo Hội.

**63.** Vì những lý do đã viện dẫn, tôi thấy phải khẩn thiết nhắc nhở, trong Thông điệp này, mối quan tâm mà Giáo Hội dành cho triết học; hơn nữa mối giây thâm thúy liên kết hoạt động thần học với sự nghiên cứu triết học. Vì thế Huấn quyền có bổn phận phải chỉ định và khích lệ một lối suy tư triết học không tương phản với đức tin. Tôi có trách nhiệm phải đề nghị một số nguyên lý và một số điểm qui chiếu, mà tôi cho là cần thiết để có thể tái lập tương quan hài hòa và hữu hiệu giữa thần học và triết học. Theo ánh sáng của những nguyên lý ấy, sẽ có thể xác định rõ rệt những liên hệ mà thần học phải duy trì với những hệ thống hay những chủ thuyết triết học, được trình bày trong thế giới hiện nay, là những liên hệ nào.

\*\*\*

**CHƯƠNG VI**

**SỰ TƯƠNG TÁC GIỮA THẦN HỌC VÀ TRIẾT HỌC**

***Kiến thức đức tin và những yêu sách của lý trí triết học***

**64.** Lời Thiên Chúa ngỏ cùng mọi người trong mọi thời trên khắp thế giới; và con người tự nhiên là một triết gia. Về phần mình, thần học xét như sự khởi thảo phản tỉnh và khoa học về lời Chúa qua ánh sáng đức tin, phải bắt liên lạc với những triết học được thực sự khởi thảo qua dòng lịch sử, đối với một số những phát triển và phận vụ riêng, chứ không được thụ thụ bất thân. Tôi không chủ ý bày tỏ cho các thần học gia những phương pháp đặc thù, điều đó không thuộc Huấn quyền, mà chỉ muốn nhắc nhở một vài trách vụ riêng của thần học, trong đó chính bản tính của Lời mặc khải đòi phải nhờ đến tư tưởng triết học.

**65.** Thần học được tổ chức như khoa học đức tin, theo ánh sáng của hai nguyên tắc phương pháp luận: *lắng nghe đức tin và hiểu biết đức tin: [auditus fidei et intel-lectus fidei]*. Theo nguyên tắc thứ nhất, thần học chiếm hữu nội dung của Mặc khải như được phát triển dần dần trong Thánh truyền, trong Thánh Kinh và trong Huấn quyền sống động của Giáo Hội.[[33]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn33) Nhờ nguyên tắc thứ hai, thần học muốn trả lời cho những đòi hỏi riêng biệt của tư tưởng, bằng cách nại đến suy tư trừu tượng.

Về việc chuẩn bị để *lắng nghe đức tin* cho đúng đắn, triết học mang lại sự trợ giúp độc đáo cho thần học, khi nó nghiên cứu cấu trúc của nhận thức và của sự liên lạc giữa các ngôi vị, và đặc biệt là những hình thức và những chức năng khác nhau của ngôn ngữ. Sự đóng góp của triết học thật quan trọng để thấu hiểu một cách mạch lạc Thánh truyền của Giáo Hội, những phán quyết của Huấn quyền và những ý kiến của những danh sư thần học: quả thực những yếu tố khác nhau thường được biểu thị bằng những quan niệm và dưới những hình thức mượn của truyền thống triết học nhất định. Trong trường hợp này nhà thần học chẳng những phải trình bày những quan niệm và những hạn từ mà Giáo Hội dùng khi suy nghĩ và khởi thảo giáo huấn của mình, nhưng, để giải thích cho đúng đắn và mạch lạc, còn phải hiểu biết sâu xa những hệ thống triết học đã ngẫu nhiên ảnh hưởng đến những ý niệm và đến thuật ngữ.

**66.** Đối với việc *hiểu biết đức tin*, trước hết phải suy rằng chân lý của Thiên Chúa, *“được trình bày cho chúng ta trong Thánh Kinh, được hiểu một cách lành mạnh theo giáo huấn của Giáo Hội”*,[[34]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn34)thì thừa hưởng sự minh bạch cố hữu, với sự mạch lạc luận lý, xứng với kiến thức chân chính mà nó tự giới thiệu. Sự *hiểu biết đức tin*minh giải chân lý ấy, không những bằng cách nhận ra những cấu trúc luận lý và trừu tượng của những mệnh đề, mà Giáo Hội dùng để chung đúc giáo huấn của mình, nhưng còn, và nhất là còn làm nổi bật ý nghĩa cứu độ mà những mệnh đề ấy hàm chứa đối với các cá nhân và nhân loại. Căn cứ trên toàn bộ những mệnh đề ấy, người tín hữu hiểu biết lịch sử cứu độ, một lịch sử đạt tới điểm cao nhất nơi bản thân Chúa Giêsu và trong mầu nhiệm vượt qua của Người. Người tín hữu tham dự vào mầu nhiệm này bằng sự thuận theo đức tin.

Về phần mình, *thần học tín lý* phải có khả năng phối hợp ý nghĩa phổ quát của mầu nhiệm Một Thiên Chúa Ba Ngôi, và của nhiệm cục cứu độ, hoặc theo lối trình thuật, hoặc trước hết bằng dạng thức biện luận. Thần học phải thực hiện công việc đó qua những triển khai tư tưởng trừu tượng, phổ cập, được trình bày một cách phê bình. Quả thực, không có sự trợ giúp của triết học, người ta không thể thuyết minh những đề mục thần học, chẳng hạn như ngôn ngữ về Thiên Chúa, những tương quan ngôi định giữa Ba Ngôi Thiên Chúa, công trình tạo thành của Thiên Chúa trong thế giới, tương quan giữa Thiên Chúa và con người, căn tính của Chúa Kitô, là Thiên Chúa thật và là người thật. Những suy tư ấy cũng có giá trị đối với những đề mục về thần học luân lý, ở đây phải trực tiếp nhờ đến những quan niệm như luật luân lý, lương tâm, sự tự do, trách nhiệm cá nhân, tội lỗi,v.v… những quan niệm được định nghĩa trong lãnh vực triết lý luân lý.

Vậy điều cần thiết là trí tuệ của người tín hữu phải có một nhận thức tự nhiên, đúng đắn và mạch lạc về những vật thụ tạo, về thế giới và về con người, những điều cũng là đối tượng của đức tin; hơn nữa lý trí phải có khả năng phối kết nhận thức này theo lối quan niệm và theo hình thức biện luận. Thành thử, thần học tín lý trừu tượng giả định và ngầm hiểu một nền triết học về con người, về thế giới và, một cách căn để hơn, về hữu thể, xây dựng trên chân lý khách quan.

**67.** Với tính cách riêng biệt của một môn học có nhiệm vụ phải viện lý cho đức tin *(xc. 1Pr 3,15)*, thần học nền tảng phải nỗ lực duyệt chính và minh nhiên hóa tương quan giữa giữa đức tin và suy tư triết học. Khi lấy lại giáo huấn của thánh Phaolô *(xc. Rm 1,19-20)*, Công Đồng Chung Vatican II đã lưu ý chúng ta đến sự kiện là có những chân lý tự nhiên, và như vậy có thể được triết học nhận biết. Việc nhận biết những chân lý ấy là một giả định cần thiết để tiếp nhận mặc khải của Thiên Chúa. Khi nghiên cứu Mặc khải và tính cách khả tín của nó làm một với hành vi tin tưởng tương ứng, thần học nền tảng phải chứng minh xem một số chân lý, mà lý trí nhận biết trong diễn tiến nghiên cứu tự lập của mình, đã xuất hiện thế nào trong ánh sáng của nhận thức đức tin. Mặc khải cung cấp cho những chân lý ấy ý nghĩa đầy đủ bằng cách hướng chúng về sự giầu có của mầu nhiệm được mặc khải, trong đó chúng tìm thấy cứu cánh. Chẳng hạn chỉ cần nghĩ đến sự nhận thức Thiên Chúa cách tự nhiên, đến khả năng phân biệt mặc khải của Thiên Chúa với những hiện tượng khác, hay đến sự nhìn nhận tính cách khả tín của nó, đến sự thích hợp của ngôn ngữ nhân loại để giãi bày, một cách có ý nghĩa và chân thực, những điều vượt quá kinh nghiệm của con người. Qua những chân lý ấy, trí khôn được dẫn dắt để nhận ra sự hiện hữu của một con đường thực sự dự bị cho đức tin, có thể khai thông cho việc đón nhận Mặc khải, mà không đối nghịch gì với những nguyên tắc và sự độc lập riêng của nó.[[35]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn35)

Cũng một cách, thần học nền tảng phải chứng minh[[36]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn36) sự tương hợp sâu sắc giữa đức tin và yêu sách thiết yếu của nó về sự giải thích bằng lý trí, để lý trí thuận theo một cách tự do đầy đủ. Như vậy đức tin sẽ biết *“chỉ lối đầy đủ cho một lý trí thành thực nghiên cứu chân lý. Như thế, đức tin, hồng ân của Thiên Chúa, dù không đặt nền tảng trên lý trí, nhưng hẳn không thể phớt lờ lý trí. Đồng thời cũng thấy lý trí cần được đức tin củng cố, để khám phá những phạm vi mà nó không thể tự mình đạt tới”*.

**68.** *Thần học luân lý* có lẽ còn cần sự đóng góp lớn lao hơn của triết học. Thực vậy, trong Tân Ước, đời sống nhân linh ít được qui chiếu theo những qui tắc hơn là trong Cựu Ước nhiều. Đời sống trong Thánh Linh hướng dẫn những tín hữu theo một sự tự do và một trách nhiệm đi xa hơn chính Luật. Nhưng Tin Mừng và các văn kiện của các Tông đồ trình bày hoặc những nguyên lý tổng quát của đời sống Kitô hữu, hoặc những giáo huấn và những giới răn thích đáng. Để áp dụng những điều đó vào những trường hợp đặc thù của đời sống cá nhân hay xã hội, người Kitô hữu phải vận dụng sâu sắc lương tâm hay khả năng suy luận của mình. Nói cách khác, điều đó nghĩa là thần học luân lý phải nại đến một quan niệm triết học đúng đắn về bản tính nhân loại và về xã hội, cũng như về những nguyên lý tổng quát của một sự quyết định luân lý.

**69.** Hẳn người ta có thể vấn nạn rằng, trong hoàn cảnh hiện nay, nhà thần học phải nhờ đến những dạng thức hiểu biết khác hơn là đến triết học, chẳng hạn lịch sử và nhất là những khoa học, mà những phát triển mới mẻ và khác thường được mọi người thán phục. Những người khác, vì càng ngày càng nhạy cảm về mối liên hệ giữa đức tin và văn hóa, chủ trương rằng thần học phải hướng về những hiền triết truyền thống hơn là về triết học gốc Hy Lạp và Âu châu. Lại có những người, vì quan niệm sai nhầm về thứ đa nguyên văn hóa, đã đi đến chỗ chối giá trị phổ quát của gia sản triết lý đã được Giáo Hội tiếp nhận.

Những yếu tố vừa liệt kê, đã được trình bày ở văn kiện khác trong giáo huấn của Công Đồng Chung,[[37]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn37) có phần đúng. Việc qui chiếu với khoa học, dù hữu ích trong nhiều hoàn cảnh, vì cung cấp cho ta một nhận thức đầy đủ hơn về đối tượng nghiên cứu, nhưng không được làm cho chúng ta quên sự trung gian cần thiết của suy tư đặc sắc triết học và phê bình, với cái nhìn tổng quát. Đàng khác, sự trung gian cũng là điều mà sự trao đổi phong nhiêu giữa các nền văn hóa đòi hỏi. Tôi phải nhấn mạnh đến cái bổn phận, không được dừng lại ở những khía cạnh riêng lẻ và cụ thể mà quên đi trách nhiệm tiên quyết, thứ trách nhiệm hệ tại giãi bày tính cách phổ quát của nội dung đức tin.Vả lại, người ta không được quên rằng, sự đóng góp đặc thù của tư tưởng triết học cho phép phân biệt, trong các quan niệm khác nhau về đời sống cũng như trong những văn hóa,*“không phải những gì người đời nghĩ tưởng, mà đâu là chân lý khách quan”*.[[38]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn38) Duy chỉ có chân lý, chứ không phải những ý kiến nhân loại, với tính cách khác nhau của chúng, có thể hữu ích cho thần học.

**70.** Vì những hệ lụy về mặt triết học và thần học phát xuất bởi những nền văn hóa, nên đề mục về tương quan với các nền văn hóa cũng đáng được suy cứu riêng biệt, dù không nhất thiết phải suy cứu triệt để. Ngay từ hồi đầu khi Tin Mừng được loan báo, quá trình gặp gỡ và trao đổi với các nền văn hóa đã là kinh nghiệm sống của Giáo Hội. Mệnh lệnh của Chúa Kitô truyền cho các môn đệ phải đi khắp mọi nơi, *“đến mút cùng trái đất” (Cv 1,8)*, để loan báo chân lý do Người mặc khải, đã làm cho cộng đồng Kitô hữu mau lẹ chứng nghiệm tính phổ quát của việc loan báo Tin Mừng, và những trở ngại phát xuất từ sự khác biệt của các nền văn hóa. Đoạn thư của thánh Phaolô gửi cho tín hữu thành Epheso đã soi sáng một cách phúc lợi để hiểu biết xem cộng đoàn tiên khởi đã đương đầu với vần đề này như thế nào.

Thánh Tông đồ viết: *“Trước kia anh em là những người ở xa, nhưng nay, trong Đức Kitô Giêsu, nhờ máu Đức Kitô đổ ra, anh em đã trở nên những người ở gần. Thật vậy, chính Người là bình an của chúng ta: Người đã liên kết đôi bên, dân Do thái và dân ngoại, thành một; Người đã hy sinh thân mình để phá đổ bức tường ngăn cách là sự thù ghét” (Ep 2,13-14)*.

Nhờ ánh sáng của đoạn thư ấy, suy tư của chúng ta được rộng mở theo sự cải biến xảy ra nơi những Lương dân, khi họ đón nhận đức tin. Đứng trước sự phú túc của ơn cứu độ do Chúa Kitô thực hiện, những hàng rào phân cách các nền văn hóa đã sụp đổ. Hiện nay lời hứa của Thiên Chúa trong Đức Kitô đã trở thành một hồng ân phổ quát: lời hứa đó không còn bị giới hạn trong cái riêng rẽ của một dân tộc, của ngôn ngữ và của những phong tục của dân tộc ấy nữa, nhưng đã được mở rộng cho mọi người, như một gia sản mà ai nấy đều có thể tự do trích dụng. Mọi người, từ khắp nơi và từ mọi truyền thống khác nhau, đều được mời gọi trong Đức Kitô để hiệp nhất trong gia đình con cái Thiên Chúa. Chính Chúa Giêsu làm cho hai dân tộc thành *“một”*. Những người xưa kia *“ở xa”* đã trở nên những người *“ở gần”*, nhờ một sự mới mẻ được hoàn thành bởi mầu nhiệm vượt qua. Chúa Giêsu đã triệt hạ những bức tường phân cách và thực hiện sự thống nhất một cách độc đáo và tuyệt đỉnh, bằng việc cho chúng ta tham dự vào mầu nhiệm của Người. Sự thống nhất này sâu xa đến độ Giáo Hội có thể cùng với thánh Phaolô nói rằng:*“Anh em không còn phải là người xa lạ hay người tạm trú, nhưng là người đồng hương với các thánh, và là người nhà của Thiên Chúa” (Ep 2,19)*.

Bằng việc ghi chép đơn sơ như thế, một chân lý vĩ đại được diễn tả: đó là sự gặp gỡ của đức tin với những nền văn hóa khác nhau đã thực sự làm phát sinh ra một thực tại mới. Khi những nền văn hóa bén rễ sâu trong nhân tính, thì chúng mang nơi mình tang chứng của sự khai mở đặc biệt của con người tìm đến phổ quát và siêu việt. Tuy nhiên, chúng cũng trình bày những bước xích gần khác nhau đến chân lý, những xích gần hiển nhiên là hữu ích thực sự cho con người, vì cung cấp cho con người những giá trị khả dĩ làm cho cuộc sống càng ngày càng trở nên nhân đạo hơn.[[39]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn39) Vì trong thực tế các nền văn hóa qui chiếu với những truyền thống cố cựu, nên vốn chúng – cố nhiên là một cách ám thị, nhưng không phải không thực hữu – được liên kết với sự giãi bày Thiên Chúa trong thiên nhiên, như ta đã thấy ở trên khi bàn về những sách giáo huấn và về giáo huấn của thánh Phaolô.

**71.** Vì có tương quan mật thiết với con người và với lịch sử của con người, các nền văn hóa cũng chia sẻ chính những sinh động, qua đó niên đại của nhân loại được biểu lộ. Vì thế người ta ghi nhận những biến đổi và những tiến bộ thành tựu do những gặp gỡ mà con người phát triển, và những trao đổi mà con người thực hiện với nhau trong cách sinh sống. Các nền văn hóa được bồi dưỡng bởi sự trao đổi các giá trị; nhờ khả năng đón nhận tính mới mẻ mà chúng có sức sống và được tồn tại. Phải giải thích những sinh động này như thế nào? Sống giữa một nền văn hóa thì mọi người đều lệ thuộc vào nó và ảnh hưởng đến nó. Con người vừa là con vừa là cha của nền văn hóa trong đó con người lăn lộn. Trong mỗi một biểu hiện của cuộc đời, con người mang nơi mình yếu tố đặc trưng của mình giữa muôn vật: ấy là sự cởi mở liên lỉ của con người đón nhận mầu nhiệm và niềm khát vọng muốn biết khôn nguôi. Do đó, nền văn hóa nào cũng mang nơi mình dấu ấn của khuynh hướng vươn tới chỗ hoàn chỉnh, và để lộ ra khuynh hướng ấy. Ta có thể nói rằng văn hóa có nơi mình khả năng đón nhận mặc khải của Thiên Chúa.

Vậy cách thức mà những Kitô hữu sống niềm tin của mình cũng được thấm nhuần bởi nền văn hóa của môi trường xung quanh và, về phần mình, cũng góp phần vào việc un đúc dần dần những đặc tính của văn hóa ấy. Những Kitô hữu mang lại cho mỗi nền văn hóa chân lý bất di dịch của Thiên Chúa, được chinh Người mặc khải trong lịch sử và trong nền văn hóa của một dân tộc. Qua các thế kỷ, biến cố, mà những người hành hương có mặt ở Giêrusalem vào lễ Ngũ tuần đã chứng kiến, vẫn tiếp tục tái diễn. Khi nghe các Tông đồ họ tự hỏi: *“Những người đang nói đó không phải là người Galilê cả ư? Thế sao mỗi người chúng ta lại nghe họ nói tiếng mẹ đẻ của chúng ta? Chúng ta đây có người là dân Parthes, Media, Elam, Mesopotamia, Giuđea, Capadocia, Ponto và Asia, có người là dân Phrygia, Pamphylia, Ai cập, và những vùng Lybia giáp giới Kyrene; nào là những người từ Rôma đến đây; nào là người Do thái cũng như người đạo theo; nào là người Creta hay người Arập, vậy mà chúng ta đều nghe họ dùng tiếng nói của chúng ta mà loan báo những kỳ công của Thiên Chúa!” (Cv 2,7-11)*. Đang khi mời gọi những thính giả đón nhận đức tin, thì sự loan báo Tin Mừng trong các nền văn hóa khác nhau không ngăn cản những tín hữu duy trì một căn tính văn hóa riêng. Như thế không tạo thành một chia rẽ nào, vì dân đã lãnh nhiệm tích thánh tẩy được phân biệt bằng một thứ phổ quát, biết đón nhận mọi văn hóa, và cổ võ những điều, hàm chứa trong mỗi nền văn hóa, mặc nhiên dẫn đến sự giải thích đầy đủ trong chân lý.

Thành thử, một nền văn hóa không bao giờ trở thành tiêu chuẩn của phán doán và càng không thể trở thành tiêu chuẩn tối hậu của chân lý, trong những điều liên quan đến mặc khải của Thiên Chúa. Tin Mừng không chống đối với văn hóa này hay văn hóa nọ, như thể việc tiếp cận với văn hóa ấy là tìm cách làm cho nó mất những điều độc đáo của nó, và đón nhận những hình thức ngoại lai không phù hợp với nó. Trái lại, lời loan báo mà, người tín hữu mang đến thế gian và đến những nền văn hóa, là hình thức thiết thực của sự giải phóng khỏi những xáo trộn mà tội lỗi đã du nhập, đồng thời là một lời mời gọi đi đến chân lý toàn diện. Trong sự gặp gỡ này các nền văn hóa chẳng những không mất mát chi hết, lại còn được khích lệ để cởi mở đón nhận cái mới mẻ của chân lý của Tin Mừng, và nhờ đó mà hồ hởi phát triển thêm.

**72.** Sự kiện Tin Mừng, trên con đường sứ vụ của mình, đã ưu tiên tiếp cận với triết lý Hy Lạp, tuyệt nhiên không phải là dấu tẩy chay các cuộc tiếp cận khác. Ngày nay, cùng với đà tiếp cận với các môi trường văn hóa cho đến nay ở ngoài tầm quang toả của Kitô giáo, có những nỗ lực mới để hội nhập văn hóa. Có những vấn đề đặt ra cho thế hệ chúng ta, tương tự như những vấn đề Giáo Hội phải đối phó trong những thế kỷ đầu.

Tư tưởng của tôi như tự phát hướng về những miền đất Đông phương, thật phong phú về những truyền thống tôn giáo và triết lý rất cố cựu. Trong những miền đất ấy, An độ chiếm một vị trí riêng biệt. Một trào lưu linh thiêng vĩ đại đưa tư tưởng Ấn độ đi tìm một kinh nghiệm có thể có giá trị tuyệt đối, vì giải thoát trí tuệ khỏi những điều kiện của thời gian và không gian. có dính dấp. Tính năng động trong việc tìm giải thoát này cung cấp khung cảnh cho nhiều học thuyết siêu hình vĩ đại.

Những Kitô hữu ngày nay, trước hết là những Kitô hữu ở Ấn độ, có nhiệm vụ phải rút tỉa từ gia sản giầu có ấy những yếu tố khả dung với đức tin của họ, để nhờ tư tưởng Kitô giáo gia sản ấy trở thành phong phú. Để thực hiện việc biện phân, mà Tuyên Ngôn của Công Đồng về *“Thời đại chúng ta”* đã gợi ý, các tín hữu phải lưu ý đến một số tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn thứ nhất là tính phổ quát của trí tuệ con người, mà những đòi hỏi cơ bản vẫn giống nhau trong những nền văn hóa rất khác nhau. Tiêu chuẩn thứ hai, phái sinh từ tiêu chuẩn thứ nhất, hệ tại điều này là: khi Giáo Hội tiếp cận với những nền văn hóa lớn mà trước đây Giáo Hội chưa gặp, Giáo Hội không lãng bỏ những gì mà Giáo Hội đã chinh phục được, do sự hội nhập văn hóa trong tư tưởng La-Hy. Phủ nhận di sản ấy là đi ngược với kế hoạch an bài của Thiên Chúa, là Đấng đã hướng dẫn Giáo Hội qua những lộ trình của thời gian và lịch sử. Đàng khác, tiêu chuẩn này có giá trị đối với Giáo Hội trong mọi thời đại, và sẽ như thế đối với Giáo Hội của ngay mai, Giáo Hội sẽ cảm thấy được phong phú bởi những thâu lượm, được thể hiện do sự tiếp cận hiện nay với những nền văn hóa đông phương, và sẽ tìm thấy trong di sản này những yếu tố mới, để đối thoại một cách có kết quả với những nền văn hóa, mà nhân loại sẽ làm triển nở trên con đường đi tới tương lai. Tiêu chuẩn thứ ba là phải đề phòng đừng lẫn lộn việc chính đáng tranh thủ tính chuyên biệt và độc đáo của tư tưởng Ấn độ với ý niệm cho rằng, truyền thống văn hóa phải khép kín với tính chất khác biệt, và phải được củng cố bằng sự đối chọi với các truyền thống khác, điều đó sẽ tương phản với chính bản tính của trí tuệ con người.

Điều đã nói ở đây về Ấn độ cũng có giá trị đối với di sản của những nền văn hóa lớn khác, như của Trung quốc, của Nhật bản và của những nước khác ở Á châu, cũng như đối với những phong phú của các nền văn hóa truyền thống ở Phi châu, hầu hết được khẩu truyền.

**73.** Theo ánh sáng của những suy tư này, tương quan phải thiết lập cách thích đáng giữa thần học và triết học sẽ được đặt dưới biểu hiệu vòng tròn. Đối với thần học, khởi điểm và nguồn gốc nguyên lai phải luôn luôn là lời Thiên Chúa, được mặc khải trong lịch sử, đang khi chuẩn đích sau cùng chỉ có thể là sự thấu hiểu lời Thiên Chúa, được đào sâu liên lỉ qua các thế hệ. Đàng khác, vì lời Thiên Chúa là Chân lý *(xc. Ga 17, 17)*, để thấu hiểu lời ấy, ta không thể không nhờ đến việc tìm kiếm chân lý cách nhân bản, nghĩa là bằng cách tư duy triết học, được phát triển trong sự tôn trọng các định luật riêng biệt của nó. Điều đó không có nghĩa đơn thuần là sử dụng, trong suy luận thần học, ý niệm này hay ý niệm khác, hoặc phần nào đó trong cấu trúc triết học; điều cốt yếu là lý trí của người tín hữu phải vận dụng những khả năng suy tư vào việc nghiên cứu chân lý trong nội tại của một tiến trình, khởi diễn từ lời của Thiên Chúa, và nỗ lực đạt tới sự hiểu biết lời ấy cho hoàn hảo hơn. Đàng khác, hiển nhiên là, khi giao dịch giữa hai điểm này – là lời của Thiên Chúa và sự hiểu biết lời ấy – trí khôn như được giác ngộ, và một cách nào đó được hướng dẫn, để tránh những con đường làm cho nó đi trệch ra ngoài Chân lý mặc khải, và rút cuộc, ra ngoài chân lý tinh khiết và đơn thuần; nó cũng được mời gọi để khám phá ra những con đường, mà một mình nó cũng chẳng tưởng là có thể vượt qua. Do tương quan vòng vo với lời Thiên Chúa đó, triết học trở thành phong nhiêu, vì lý trí khám phá ra những phạm vi mới mà nó không ngờ là có.

**74.** Tang chứng tỏ rõ sự phong nhiêu ấy là lịch sử cá nhân của những nhà thần học tên tuổi, cũng là những triết gia vĩ đại, vì các vị đã để lại những tác phẩm có giá trị cao về tư duy, đến độ thiên hạ có đủ lý do để liệt các ngài ngang hàng với những nhà hiền triết học cổ thời. Điều đó đúng với các Giáo phụ, và trong số này ít là phải kể đến thánh Gregorio thành Naziance và thánh Augus-tino, cũng như những Tiến sĩ thời Trung cổ, trong số đó nổi bật là bộ ba vĩ đại gồm thánh Anselmo, thánh Bonaventura và thánh Thomas Aquino. Tương quan phong nhiêu giữa triết học và lời Thiên Chúa cũng được giãi bày trong việc nghiên cứu can đảm, được thực hiện bởi những tư tưởng gia đương đại, trong số đó tôi muốn nhắc đến những vĩ nhân bên trời Âu, như Gioan Henry Newman, Anton Rosmini, Jacques Maritain, Etienne Gilson, Edith Stein, và bên Đông, những nhà tư tưởng có tầm cỡ như Vladimir S. Soloviev, Pavel A. Florenski, Petr. J. Caadaev, Vladimir N. Lossky. Cố nhiên, khi đưa ra danh tánh của các tác giả này, và có thể nhắc đến nhiều tác giả khác, tôi không có ý bảo đảm cho tư tưởng của họ về mọi khía cạnh cạnh, nhưng chỉ có ý đưa ra những gương mẫu có ý nghĩa của một đuờng lối nghiên cứu triết học, đã mang lại lợi ích lớn bởi sự đối chiếu triết lý với những dữ kiện của đức tin. Một điều chắc chắn là: sự chú ý đến lộ trình tinh thần của những bậc thầy ấy chỉ có thể cổ võ sự tiến triển trong việc khám phá chân lý, và trong việc phục vụ con người, bằng những thành quả đã đạt được. Phải hy vọng rằng truyền thống vĩ đại triết-thần ngày nay và sau này sẽ gặp những nhân vật kế thừa, và vun trồng truyền thống ấy, hầu mưu ích cho Giáo Hội và cho nhân loại.

***Những tình trạng khác nhau của triết học***

**75.** Theo lịch sử của những tương quan giữa đức tin và triết học, như được nhắc lại cách vắn gọn trên đây, ta có thể phân biệt những tình trạng khác nhau của triết học trong tương quan với đức tin Kitô hữu. Thứ nhất là tình trạng của *triết học hoàn toàn độc lập với Mặc khải của Tin Mừng*: là trạng thái của triết học theo sử quan được cụ thể hoá trong những thời kỳ trước Chúa Cứu thế giáng sinh, và do đó, trong những miền chưa được Tin Mừng cảm hóa. Trong tình trạng này, triết học giãi bày một ước vọng chính đáng là cách tư duy *tự lập*, nghĩa là diễn tiến theo những định luật riêng, và chỉ nhờ đến nghị lực của lý trí mà thôi. Khi lưu ý đến những giới hạn nghiêm trọng, do sự yếu đuối cố hữu của lý trí con người, mà củng cố và tăng cường khát vọng đó là chuyện thích hợp. Quả thực, sự vận dụng triết học, là việc nghiên cứu chân lý cách tự nhiên, cũng mặc nhiên cởi mở để đón nhận siêu nhiêu.

Hơn nữa, ngay cả khi chính suy luận thần học sử dụng những quan niệm và những lý chứng của triết học, thì sự tụ do của tư tưởng vẫn phải được tôn trọng. Quả thực, sự viện chứng được khai triển theo những tiêu chuẩn hữu lý nghiêm minh là một bảo đảm để đạt tới những thành quả có giá trị phổ quát. Ở đây thể hiện nguyên lý cho rằng, ân sủng không thủ tiêu nhưng kiện toàn tính tự nhiên: sự thuận theo đức tin, cam kết lý trí và ý muốn, không thủ tiêu nhưng kiện toàn sự tự do tự quyết của mọi tín hữu, đón nhận dữ kiện mặc khải.

Triết thuyết mệnh danh là *“tách biệt” [separée]* mà một số triết gia đương đại chủ trương, hiển nhiên là lìa xa cái đòi hỏi đúng đắn đó. Ngoài việc khẳng định một quyền tự quyết đích đáng trong cách tư duy triết học, chủ thuyết ấy còn tranh thủ một thứ tự túc của tư tưởng, điều đó hiển nhiên là chuyện bất chính: quả thực, từ chối những trợ giúp của chân lý, phát xuất từ mặc khải của Thiên Chúa, có nghĩa là tự cấm cản không đi tới một nhận thức sâu sắc hơn về chân lý, và làm thiệt hại cho chính triết học nữa.

**76.** Tình trạng thứ hai của triết học là tình trạng mà nhiều người đặt tên là *triết học Kitô giáo*. Danh xưng này nguyên nó là chính đáng, nhưng không nên hiểu cách mập mờ: ta không nên hiểu đó là triết học chính thức của Giáo Hội, vì đức tin nguyên nó không phải là một triết học. Đúng ra, với danh xưng ấy người ta có ý ám chỉ lối tư duy triết học Kitô hữu, một suy tư triết học được quan niệm trong sự liên kết mật thiết với đức tin. Điều đó không liên hệ cách đơn thuần đến một nền triết học, được xây dựng bởi những triết gia Kitô hữu, những người khi nghiên cứu không muốn chống đối đức tin. Khi nói về triết học Kitô người ta có ý bao gồm những phát triển quan trọng của tư tưởng triết học đã thành tựu với phần đóng góp, trực tiếp hay gián tiếp, của đức tin Kitô giáo. Thành thử có hai khía cạnh của triết học Kitô: một là khía cạnh chủ vị, hệ tại sự lý trí được đức tin thanh luyện. Theo tư cách là nhân đức thần hướng, đức tin giải thoát lý trí khỏi tính kiêu căng, loại cám dỗ mà các triết gia dễ mắc phải. Xưa kia thánh Phaolô và các Giáo phụ, và gần chúng ta hơn, những triết gia như Pascal, và Kierkegaard, đã lên án nết xấu đó. Vì khiêm nhường, triết gia đã can đảm đương đầu với một số vấn đề, mà họ khó lòng giải quyết nếu không suy cứu những dự kiện được đón nhận từ Mặc khải. Chẳng hạn những vấn đề về điều ác và về sự đau khổ, hay trực tiếp hơn, về vần đề siêu hình cơ bản: *“Tại sao có vật này vật nọ?”*

Rồi có khía cạnh khách thể, liên quan đến nội dung: Mặc khải trình bày rõ ràng một vài chân lý, dù không phải là những chân lý bất khả tri đối với lý trí tự nhiên, nhưng lý trí loay hoay một mình thì không bao giờ khám phá ra. Trong phối cảnh ấy, có những đề tài như đề tài về sự thực hữu của Thiên Chúa ngôi vị, tự do và tạo thành, là đề tài rất hệ trọng đối với việc phát triển tư tưởng triết học, cách riêng cho triết học về hữu thể. Nằm trong lãnh vực này còn có thực tại của tội lỗi, như nó bộc lộ dưới ánh sáng đức tin, giúp ta đặt vấn đề về điều ác một cách đầy đủ theo phương diện triết học. Nguyên lai của quan niệm ngôi vị như một hữu thể thiêng liêng cũng đặc biệt do đức tin: việc Kitô giáo loan báo phẩm giá, sự bình đẳng và sự tự do của mọi người, chắc chắn đã ảnh hưởng đến suy tư triết học mà những người đương đại thực hiện. Gần chúng ta hơn, người ta có thể nhắc đến sự khám phá ra tầm quan trọng, mà sự Mặc khải Kitô giáo, như biến cố lịch sử trung tâm, cũng mang đến cho triết học. Không phải do ngẫu nhiên mà biến cố ấy trở thành trọng tâm của triết lý lịch sử, và xuất hiện như một chương mới trong công cuộc nhân loại khám phá chân lý.

Trong những yếu tố khác quan của triết học Kitô giáo có nhu cầu phải khám phá tính hợp lý của một số chân lý, được giãi bày trong Thánh Kinh, như sự khả dĩ của ơn kêu gọi con người lên bậc siêu nhiên, và của chính tội tổ truyền. Đó là những phận vụ thúc bách lý trí phải nhìn nhận là có những điều chân thật và hữu lý vượt trên những giới hạn nghiêm nhặt, trong đó lý trí có thể liều mình giam hãm cính mình. Những đề tài ấy trong thực tế đã mở rộng lãnh vực của điều hữu lý.

Trong suy tư về những yếu tố ấy, các triết gia không trở thành những nhà thần học, theo mức độ mà họ không tìm cách khởi đi từ Mặc khải để thấu hiểu và thuyết minh những chân lý đức tin. Họ đã tiếp tục hoạt động trong lãnh địa riêng, với phương pháp thuần lý riêng, nhưng bằng cách mở rộng những khám phá của mình đến những lãnh vực mới của điều thật. Ta có thể nói rằng, không có ảnh hưởng khích lệ của lời Thiên Chúa, ắt cả một phần tinh hoa của triết học cận đại và đương đại sẽ vắng bóng. Sự kiện đó vẫn giữ được tất cả cái chính xác của nó, ngay cả khi đứng trước cái cảm nghiệm gây thất vọng. là một số nhà tư tưởng của những thế kỷ vừa qua đã bỏ tính cách chính thống Kitô giáo.

**77.** Chúng tôi cũng nhận thấy một trạng huống khác có ý nghĩa của triết học, khi *chính thần học nại đến triết học*. Trong thực tế, thần học luôn luôn và tiếp tục cần đến sự trợ giúp của triết học. Vì là một công trình của lý trí phê bình dưới ánh sáng của đức tin, công việc của thần học trong mọi nghiên cứu đều giả định và đòi hỏi một lý trí, đã được giáo huấn và đào luyện theo sự xếp đặt những quan niệm và những lý chứng. Ngoài ra, thần học cũng cần đến triết học như người đối thoại để kiểm chứng tính cách khả hội và chân lý phổ quát của những điều mình khẳng quyết. Không phải vì ngẫu nhiên mà, trong công tác giải thích này, các Giáo phụ và những nhà thần học thời Trung cổ đã nhờ đến những triết gia ngoài Kitô giáo. Sự kiện lịch sử này nêu rõ giá trị *tự lập*mà triết học vẫn bảo trì cả trong tình trạng thứ ba này, nhưng đồng thời cũng tỏ rõ những cải biến cần thiết và sâu sắc mà triết học phải chấp nhận.

Chính trong ý nghĩa của sự trợ giúp cần thiết và cao nhã mà, từ thời các giáo phụ, triết học được mệnh danh là *nữ tỳ của thần học [ancilla theologiae]*. Tước hiệu này không áp dụng để chỉ sự phục tùng nô lệ, hay là công tác cơ năng của triết học đối với thần học. Nó đã được dùng theo ý nghĩa mà ông Aristot đã nói tới, khi cho các khoa thực nghiệm là những nữ tỳ của *“triết học đệ nhất”*. Ngày nay vì những nguyên tắc tự lập vừa nhắc đến, khó có thể dùng kiểu nói *“nữ tỳ của thần học”*, nhưng nó đã được dùng qua dòng lịch sử để tỏ ra tương quan cần thiết, bất khả phân ly giũa hai khoa học.

Nếu nhà thần học từ khước không nại đến triết học, thì liều mình dùng triết học mà không hay biết, và khư khư giữ những cấu trúc tư tưởng không phù hợp với sự hiểu biết đức tin. Về phần mình, nếu triết gia xa lánh mọi tiếp cận với thần học, sẽ tưởng rằng mình phải tự chiếm đoạt cho mình nội dung của đức tin Kitô giáo, như đã xảy ra cho một số triết gia hiện đại. Trong trường hợp này cũng như trường hợp nọ, sẽ xảy nguy cơ hủy diệt những nguyên tắc căn bản của sự tự lập mà mỗi khoa học muốn bảo vệ một cách chính đáng.

Tình trạng của triết học được bàn đến ở đây, cùng với thần học, được đặt cách trực tiếp dưới uy thế và sự biện phân của Huấn quyền, vì những lên hệ mà triết học hàm súc để hiểu biết Mặc khải, như tôi đã trình bày trên đây. Quả thực, từ những chân lý của đức tin, phát xuất ra những đòi hỏi nhất định mà triết học phải tôn trọng trong lúc nó muốn giao tiếp với thần học.

**78.** Với những suy tư ấy, người ta dễ dàng hiểu tại sao đã nhiều lần Huấn quyền ca tụng những công trạng của thánh Thomas, và lấy người là hướng đạo và gương mẫu cho những nghiên cứu thần học. Điều quan trọng không phải là theo lập trường của người về những vấn đề triết học thực danh, cũng không phải là bó buộc phải chấp nhận những đề luận riêng lẻ. Chủ ý của Huấn quyền xưa kia, và hiện nay là, tỏ rõ thánh Thomas như một gương mẫu chính thức cho những ai tìm kiếm chân lý. Quả thực, sự đòi hỏi của lý trí và sức mạnh của đức tin đã tìm được sự tổng hợp cao nhất mà tư tưởng đã từng thực hiện trong suy tư của thánh Thomas, bởi người đã biết bảo vệ sự mới mẻ cơ bản mà Mặc khải mang lại, nhưng không bao giờ hạ thấp đường lối riêng của lý trí.

**79.** Để làm sáng tỏ hơn nội dung của Huấn quyền trước đây, trong phần sau cùng này, tôi muốn giãi bày một vài yêu sách mà ngày nay thần học – và trước hết, lời Thiên Chúa – đặt ra cho suy tư triết học và cho triết học hiện thời. Như tôi đã nhấn mạnh, triết gia phải xử trí theo những qui tắc riêng, và phải được xây dựng trên những nguyên lý riêng; nhưng chỉ có thể có một chân lý. Mặc khải, với nội dung của nó, không bao giờ có thể hạ giá lý trí trong những khám phá và trong sự tự lập của nó; tuy nhiên về phần mình, lý trí không bao giờ được để mất khả năng tự vấn và đặt câu hỏi, đang khi ý thức rằng không thể tự đưa mình lên hàng giá trị tuyệt đối và chuyên biệt. Chân lý được mặc khải, khởi đi từ ánh rạng ngời, phát xuất từ chính Hữu thể lập hữu, khi đưa hữu thể ra giữa ánh sáng, sẽ soi đường cho suy tư triết học. Nói tóm lại, mặc khải Kitô giáo trở thành điểm gặp gỡ và đối chiếu giữa tư tưởng triết học và tư tưởng thần học trong những tương quan giao hỗ. Vậy ước chi những thần học gia và những triết gia được hướng dẫn bởi thế giá duy nhất của chân lý, bằng cách xây dựng một triết học thân cận với lời của Thiên Chúa. Triết học này sẽ là điểm gặp gỡ giữa các nền văn hóa và đức tin Kitô giáo, và là nơi hòa hợp giữa những người tin và không tin. Điều đó sẽ là một trợ lực để những Kitô hữu xác tín cách thâm thúy hơn rằng, sự sâu sắc và tính xác thực của đức tin được cổ võ khi đức tin liên kết với một tư tưởng và không từ chối tư tưởng ấy. Một lần nữa, chính bài học của các Giáo phụ hướng dẫn chúng ta trong xác tín này: *“Chính việc tin tưởng là suy nghĩ khi ưng thuận, chứ không phải chi khác […]. Ai tin tưởng là suy nghĩ, và khi tin là người ấy suy nghĩ và khi suy nghĩ là người ấy tin […]. Nếu không được suy nghĩ thì đức chả là gì hết”*.[[40]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn40) Vả lại: “Nếu hủy bỏ sự ưng thuận là hủy bỏ đức tin, vì không có sự ưng thuận là người ta không tin gì hết”.[[41]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn41)

\*\*\*

**CHƯƠNG VII**

**NHỮNG ĐÒI HỎI VÀ NHỮNG PHẬN SỰ HIỆN NAY**

***Những đòi hỏi khẩn thiết của lời Thiên Chúa***

**80.** Thánh Kinh hàm chứa cách minh thị hay ám thị một loạt những yếu tố, cho phép đạt được một quan niệm về con người và về thế giới có tính cách triết học dày đặc và thiết thực. Những Kitô hữu đã dần dần ý thức sự phong phú của Thánh Kinh. Thành thử thực tại mà chúng ta nghiệm thấy không phải là tuyệt đối; nó không phải là tự hữu, cũng không tự sinh sản ra chính mình. Duy Thiên Chúa là Đấng Tuyệt đối. Đàng khác, theo những trang Thánh Kinh thì con người là *hình ảnh của Thiên Chúa*, thứ hình ảnh hàm chứa những dữ kiện minh bạch về hữu thể, về sự tự do và về sự bất hoại của linh hồn. Vì thế giới thụ tạo không tự túc, nên mọi ảo tưởng về sự tự lập, u minh về sự lệ thuộc cốt yếu vào Thiên Chúa của mọi thụ tạo, kể cả loài người, sẽ dẫn đến những tình trạng bi thảm, sẽ hủy diệt sự nghiên cứu hữu lý về sự hài hòa và về ý nghĩa của cuộc nhân sinh.

Vấn đề về sự ác luân lý – một hình thức bi thảm nhất của điều ác – cũng được đề cập tới trong Thánh Kinh: Thánh Kinh cho chúng ta hay điều ác không phải là sự thiếu hụt của vật chất, nhưng là một vết thương phát sinh do việc con người sử dụng sự tự do cách lộn xộn. Sau hết, lời của Thiên Chúa làm sáng tỏ vấn đề về ý nghĩa của cuộc đời, và đưa ra câu giải đáp hướng dẫn con người đến với Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể, Đấng đã thực hiện đầy đủ kiếp nhân sinh. Nhờ đọc Thánh Kinh, những khía cạnh khác sẽ có thể được minh giải; dù sao, hệ luận nổi bật nhất là: phải tẩy chay mọi hình thức tương đối, duy vật và phiếm thần.

Xác tín nền tảng của *“triết học”* này, hàm chứa trong Thánh Kinh, đó là cuộc sống con người và thế giới có một ý nghĩa, và được qui hướng đến chỗ hoàn chỉnh, được thể hiện nơi Chúa Giêsu Kitô. Mầu nhiệm nhập thể sẽ luôn luôn là trọng điểm phải được qui chiếu, để có thể thấu hiểu sự bí ẩn của cuộc nhân sinh, của thế giới thụ tạo, và của chính Thiên Chúa. Trong mầu nhiệm này, triết học phải giải quyết những thách đố tột cùng, vì lý trí được kêu gọi để nhận lấy thứ lý luận vượt quá những giới hạn, trong đó nó liều mình tự vây hãm chính mình. Nhưng cũng chính nhờ đó mà người ta đạt tới ý nghĩa tuyệt đỉnh của cuộc nhân sinh. Quả thực, yếu tính của Thiên Chúa và của con người trở thành khả hội: vì trong mầu nhiệm Ngôi Lời nhập thể, bản tính Thiên Chúa và bản tính nhân loại được bảo tồn, mỗi một bản tính đều độc lập: đồng thời cũng được giãi bày mối liên hệ duy nhất trong tương quan giao hỗ của hai bản tính không hỗn đồng.[[42]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn42)

**81.** Ta phải ghi nhận rằng, một trong những khía cạnh rõ rệt nhất trong hiện tình của chúng ta là*“khủng hoảng về ý nghĩa”*. Những quan điểm về sự sống và về thế giới thường có tính cách khoa học, đã gia tăng nhiều đến độ, trong thực tế, chúng ta đang chứng kiến sự phát triển của hiện tượng bẻ vụn kiến thức. Đó chính là điều làm cho việc tìm kiếm ý nghĩa trở nên khó khăn, nhiều khi còn luống công nữa. Quả thực, điều bi thảm hơn nữa là, giữa những dữ kiện và những sự kiện rối bời trong đó ta đang sống, và hình như làm nên chính khuôn khổ cuộc đời, nhiều người đã tự vấn rằng, hỏi han về ý nghĩa còn có nghĩa lý chăng. Việc từng loạt những chủ thuyết tranh luận về câu trả lời, hay những cách quan niệm và giải thích khác nhau về thế giới và về cuộc đời con người chỉ trầm trọng hoá nỗi do dự cơ bản, thứ do dự mau lẹ chìm ngập trong thuyết hoài nghi, trong sự nhửng nhưng hay trong những hình thức khác nhau của thuyết hư vô.

Hệ lụy của tất cả những điều đó là trí khôn thường bị xâm chiếm bởi một hình thức tư tưởng mơ hồ, dẫn nó đến chỗ tự khép mình hơn nữa trong những giới hạn của cái nội tại riêng, không qui chiếu mảy may với điều siêu việt. Một triết học không đặt vấn đề về ý nghĩa của cuộc đời sẽ mắc cái nguy cơ giản lược lý trí vào những chức năng dụng cụ thuần túy, không có tham vọng chính đáng nào để tìm kiếm chân lý.

Để được hài hòa với lời Thiên Chúa, trước hết triết học cần phải tìm lại *chiều kích thông tuệ của mình [dimension sapientielle]*, là tìm kiếm ý nghĩa tối hậu và toàn diện của sự sống. Nghĩ cho kỹ, đòi hỏi thứ nhất này là một kích thích tố rất hữu ích cho triết học, để nó xứng đáng với bản tính của nó. Quả thực, theo cách này nó không phải chỉ là thứ sơ quyết biện phân xác định, tỏ bày những lãnh vực khác nhau của tri thức khoa học nền tảng và giới hạn của chúng, mà còn là thứ chung quyết thống nhất tri và hành của con người, hướng dẫn chúng qui hướng về một mục đích và một ý nghĩa sau cùng. Ngày nay chiều kích thông tuệ này càng cần thiết khi kỹ năng của con người tăng gia một cách mênh mong, đòi hỏi một lương tâm sống động và được đổi mới đối với những giá trị tối thượng. Nếu ta không bó buộc phải qui hướng những phương sách kỹ thuật về một mục đích không thuần túy vụ lợi, thì chày kíp những phương sách ấy sẽ giãi bày tính vô luân của chúng, và còn trở thành một tiềm lực hủy diệt nhân loại.[[43]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn43)

Lời Thiên Chúa mặc khải cứu cánh của con người, và cung cấp ý nghĩa toàn diện cho hoạt động của con người trong thế giới. Vì thế lời ấy mời gọi triết học dấn thân vào việc khám phá nền tảng tự nhiên của ý nghĩa này, là khát vọng tôn giáo cấu thành toàn thể nhân vị. Một triết học phủ nhận rằng, không thể có một ý nghĩa tối hậu và toàn diện, chẳng những là thứ triết học không thích hợp, lại còn sai ngoa nữa.

**82.** Đàng khác, vai trò thông tuệ không thể được vuông tròn bởi một thứ triết học không phải là một tri thức chân chính và xác thực, nghĩa là thứ triết học chỉ tự giới hạn vào những khía cạnh riêng lẻ và tương đối của thực tại – chẳng kỳ là khía cạnh cơ năng, hình thức hay vụ lợi – mà không bàn tới chân lý toàn diện và quyết định của nó; nói cách khác, không bàn tới chính hữu thể của đối tượng nhận thức. Vậy đây là đòi hỏi thứ hai: phải đinh ninh là con người có khả năng*nhận biết chân lý,*thứ nhận biết đạt tới chân lý khách quan, vì chân lý là *sự tương hợp giữa sự vật và trí tuệ*; các Tiến sĩ của Kinh viện đã nương tựa trên sự tương hợp ấy.[[44]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn44) Đòi hỏi này, là đặc trưng của đức tin, đã được tái khẳng định trong Công Đồng Chung Vatican II: *“Quả thực, trí khôn không bị giới hạn trong những hiện tượng mà thôi, nhưng còn có thể thấu triệt thực tại khả hội một cách chắc chắn đích thực, cho dù nó đã bị lu mờ và suy nhược phần nào do hậu quả của tội lỗi”*.[[45]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn45)

Một triết học triệt để Duy Hiện tượng hay Duy Tương đối sẽ không thích hợp để giúp chúng ta thâm hiểu sự giầu có hàm chứa trong lời của Thiên Chúa. Quả thực, Thánh Kinh luôn luôn giả định là con người, dù đắc tội tráo trở và gian dối, vẫn có thể nhận biết và hiểu rõ chân lý tinh trong và đơn thuần.

Trong Thánh Kinh, và đặc biệt trong Tân Ước, có những trích văn và những khẳng định có tầm mức thực thể luận đúng nghĩa. Quả thực, những thánh ký muốn đưa ra những khẳng định chân xác, nghĩa là thích hợp để để giãi bày thực tại khách quan. Ta không thể nói là Truyền thống Công Giáo đã sai nhầm khi hiểu một vài bản văn của thánh Gioan và của thánh Phaolô, như những khẳng định về chính bản thân của Chúa Kitô. Vậy thần học, khi nỗ lực thấu hiểu và giải thích những khẳng định ấy, đã cần đến sự trợ giúp của thứ triết học, không phủ nhận sự khả dĩ của một nhận thức chân xác khách quan, dù luôn luôn có thể được kiện toàn. Điều vừa nói đó cũng có giá trị đối với những phán đoán của lương tâm luân lý, mà Thánh Kinh giả định có thể là chân xác cách khách quan.[[46]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn46)

**83.** Hai đòi hỏi vừa được nhắc tới hàm chứa đòi hỏi thứ ba là sự cần thiết của một triết học có*tầm cỡ siêu hình đích thực*, nghĩa là thích hợp để vượt qua những dữ kiện thường nghiệm mà đạt tới điều tuyệt đối, tối thượng và nền tảng trong khi nghiên cứu chân lý. Đó là một đòi hỏi ám tàng trong sự nhận thức có đặc tính thông tuệ cũng như trong nhận thức phân tách; cách riêng, đây là đòi hỏi đặc biệt của nhận thức về điều thiện luân lý, mà nền tảng tôi hậu là điều Thiện tuyệt đỉnh, là chính Thiên Chúa. Ở đây tôi không có ý nói về siêu hình như về một trường phái nhất định, hay về một trào lưu lịch sử riêng biệt nào. Tôi chỉ muốn xác định rằng, thực tại và chân lý siêu việt trên điều có tính chất sự kiện và thực nghiệm, và tôi muốn khẳng định khả năng mà con người có để nhận biết chiều kích siêu việt và siêu hình một cách xác thực và chắc chắn, dù chỉ là khiếm khuyết và loại suy. Trong ý nghĩa này, không nên coi siêu hình như một khoa thế chân cho nhân loại học, vì chính khoa siêu hình giúp kiến tạo quan niệm về phẩm giá con người bởi địa vị thiêng liêng của nó. Cách riêng, do sự trác tuyệt mà chính nhân vị đạt tới hữu thể, và do đó khiển sự suy tư siêu hình.

Ở đâu con người nghiệm thấy lời mời gọi đi đến cái tuyệt đối và siêu việt, là nó đã được thoáng nhìn thấy chiều kích siêu hình của thực tại: như trong điều chân và mỹ, trong những giá trị luân lý, trong ngôi vị của tha nhân, trong chính hữu thể, trong Thiên Chúa. Một thách đố lớn đặt ra cho chúng ta vào cuối thiên niên này là, biết hoàn chỉnh cuộc kinh qua, vừa cần thiết vừa khẩn thiết, từ *hiện tượng*đến*nền tảng.*Không thể dừng lại ở kinh nghiệm mà thôi, ngay cả khi nó biểu lộ và tỏ bày tính nội tại và thiêng liêng của con người, sự suy tư trừu tượng phải đạt tới bản tính thiêng liêng và nền tảng mà suy tư ấy nương tựa. Một tư tưởng triết học từ chối mọi cởi mở đối với siêu hình, tức là thứ tư tưởng từ cội rễ không thích hợp để chu toàn chức năng trung gian trong việc thấu hiểu Mặc khải.

Lời của Thiên Chúa luôn luôn liên hệ đến những điều vượt quá kinh nghiệm, và vượt quá cả tư tưởng của con người nữa; nhưng *“mầu nhiệm”* này không thể được mặc khải, và thần học cũng không thể giải thích,[[47]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn47) nếu nhận thức nhân loại bị giới hạn một cách nghiêm nhặt trong thế giới của kinh nghiệm khả cảm. Vậy siêu hình học nghiễm nhiên là một trung gian có ưu thế trong việc nghiên cứu thần học. Thần học thiếu phối cảnh siêu hình không thể vượt lên trên sự phân tách về kinh nghiệm tôn giáo, và không giúp cho sự *hiểu biết đức tin* giãi bày một cách mạch lạc giá trị phổ quát và siêu việt của chân lý mặc khải.

Sỡ dĩ tôi nhấn mạnh đến yếu tố siêu hình, là vì tôi xác tín rằng đó là con đường cần thiết để vượt qua tình trạng khủng hoảng, hiện nay đang phổ cập trong nhiều ngành triết học, và như vậy để sửa chữa một vài lối xử sự làm lệch hướng, được quảng bá trong xã hội chúng ta.

**84.** Tầm quan trọng của sự xích lại với siêu hình càng trở nên rõ ràng, nếu ta suy đến sự phát triển hiện nay của những khoa chú giải và những phân tách khác nhau về ngôn ngữ. Những thành quả do những nghiên cứu ấy thâu lượm có thể rất hữu ích cho việc hiểu biết đức tin, theo mức độ chúng làm sáng tỏ cấu trúc của tư tưởng và lối phát biểu của chúng ta, cũng như ý nghĩa mà ngôn ngữ mang theo. Nhưng có những chuyên viên của các khoa học này, những người, trong khi nghiên cứu, chỉ để ý đến cách người ta hiểu và nói lên thực tại, lại kiêng dè không kiểm chứng những khả năng của trí khôn khám phá yếu tính. Sao lại không thấy trong thái độ đó tang chứng của cơn khủng hoảng về niềm tín nhiệm vào những khả năng của lý trí, mà thế giới của chúng ta đang trải qua? Và khi, vì những thỉnh đề tiên thiên, những đề luận ấy chủ trương làm lu mờ nội dung của đức tin, hoặc chối bỏ giá trị phố quát của nó, thì chúng chẳng những hạ giá lý trí, mà còn tự đặt mình vào chỗ việt vị. Quả thực, đức tin giả định một cách minh bạch rằng, ngôn ngữ nhân loại có thể giãi bày cách phổ quát thực tại thần linh và siêu việt – dù chỉ bằng những hạn từ loại suy-, nhưng không vì thế mà không có ý nghĩa.[[48]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn48) Nếu không thế, thì lời của Thiên Chúa, luôn luôn là lời thần linh trong ngôn ngữ nhân loại, sẽ không thể giãi bày gì về Thiên Chúa, mà chỉ là biểu thức của những quan niệm nhân loại về Thiên Chúa, và về điều người ta giả thiết là điều Thiên Chúa nghĩ về chúng ta.

**85.** Vẫn biết rằng những yếu sách đặt ra cho triết học như thế là nghiêm nghị đối với nhiều người sống trong hiện trạng của việc nghiên cứu triết học. Chính vì thế, đang khi lấy lại những điều mà các Đức Giáo Hoàng không ngừng giảng dậy từ nhiều thế hệ và chính Công Đồng Chung Vatican II đã nhắc lại, với sự xác tín mạnh mẽ, tôi muốn tuyên bố rằng, con người có thể đạt tới một quan niệm thống nhất và hữu cơ về kiến thức. Đó là một phận vụ mà tư tưởng Kitô giáo phải tự đảm trách trong thiên niên sắp tới của công nguyên Kitô. Việc cắt vụn kiến thức cản trở sự thống nhất nội tại của con người hiện nay, vì nó kéo theo sự xích lại từng phần chân lý và, do đó, cũng bẻ vụn ý nghĩa. Làm sao Giáo Hội có thể không e ngại? Phận vụ thuộc lãnh vực thông tuệ dành riêng cho các Chủ chăn này, đối với các ngài, thì phát xuất trực tiếp từ Tin Mừng, và các ngài không thể trốn tránh bổn phận phải chu toàn.

Tôi thiết tưởng những ai, theo tư cách là triết gia, muốn đáp trả những đòi hỏi mà lời Thiên Chúa trình bày cho tư tưởng nhân loại, sẽ phải xây dựng lý luận của mình trên những thỉnh đề này, và phải lập định một cách mạch lạc trên sự nối kết với truyền thóng vĩ đại, bắt đầu từ các tổ phụ, qua các Giáo phụ và những bậc thầy của Kinh viện, để đi đến chỗ hội nhập những hiểu biết cốt yếu của tư tưởng cận kim và hiện đại vào. Nếu biết kín múc trong truyền thống và lấy nó làm nguồn khởi hứng, ắt triết gia sẽ không quên tỏ mình là người trung thành với yêu sách độc lập của tư tuởng triết học.

Theo ý đó, và trong phối cảnh hiện nay, thật là ý vị khi một vài triết gia trở thành người cổ võ việc tái khám phá chức năng quyết định của truyền thống đối với cách thức nhận thức đúng đắn. Quả thực, việc tìm đến với truyền thống không phải là sự nhắc nhớ suông đến dĩ vãng; mà hệ tại việc nhìn nhận giá trị của một gia sản văn hóa thuộc về toàn thể nhân loại thì đúng hơn. Ta cũng có thể nói là chính chúng ta thuộc về truyền thống và chúng ta không thể xếp đặt nó theo ý muốn. Phải đi đến chỗ căn để của truyền thống mới có thể đưa ra một tư tưởng độc đáo, mới mẻ và được qui hướng về tương lai. Sự nhắc nhở như thế còn có hiệu lực hơn đối với thần học. Không những vì thần học có Truyền thống sống động của Giáo Hội như nguồn mạch cội gốc,[[49]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn49) mà còn vì đó mà thần học phải có khả năng để tìm lại được truyền thống thần học sâu xa, đã đánh dấu cho các thời đại dĩ vãng, và truyền thống liên lỉ của triết học, trong sự thông tuệ xác thực của nó, đã biết vượt qua những giới hạn của không gian và thời gian.

**86.** Việc nhấn mạnh đến sự cần thiết của mối quan hệ chặt chẽ về sự liên tiếp giữa suy tư triết học hiện đại và suy tư triết học, mà truyền thống Kitô đã xây dựng, là có ý đề phòng những nguy cơ, gắn liền với một vài mẫu tư tưởng ngày nay đã được phổ biến cách riêng biệt. Tôi thiết tưởng cần phải dừng lại nơi một vài khuynh hướng, dù chỉ để sơ lược vạch ra những sai lầm và những nguy hiểm mà chúng đưa ra cho sinh hoạt triết học.

Khuynh huớng thứ nhất trong các huynh hướng ấy là *chủ nghĩa chiết trung.* Hạn từ này được dùng để chỉ thái độ của những người, khi nghiên cứu, giảng dạy và tranh luận, cả về thần học, có thói quen chấp nhận những quan niệm khác nhau, mượn bởi nhiều triết học, mà không chú ý đến sự mạch lạc, đến nguồn gốc thuyết hệ, và đến khung cảnh lịch sử của chúng. Như thế họ đặt mình vào tình trạng không thể phân biệt phần chân lý của một tư tưởng với phần sai lầm hoặc không thích hợp mà nó có thể hàm chứa. Ta cũng nhận thấy một hình thức thái quá của thuyết chiết trung, mà một số thần học gia mắc phải trong việc sử dụng những hạn từ triết học theo cường điệu hùng biện. Lối vận dụng ấy không giúp gì cho việc khám phá chân lý và không chuẩn bị lý trí – thần học hay triết học – để viện chứng một cách nghiêm túc và khoa học. Việc học hỏi nghiêm túc và thâm trầm những đạo lý triết học, thuật ngữ riêng và khung cảnh trong đó những đạo lý ấy được quan niệm, sẽ giúp để vượt qua những nguy hiểm của chủ nghĩa chiết trung, và cho phép hội nhập một cách thích hợp vào lý luận của thần học.

**87.** Thuyết chiết trung là sự sai lầm về phương pháp, nhưng nó cũng có thể tàng trữ những đề luận của thuyết *duy lịch sử*. Để hiểu biết một đạo lý về quá khứ, cần phải đặt lại nó trong khung cảnh lịch sử và văn hóa. Trái lại, đề luận căn bản của thuyết *duy lịch sử* hệ tại thiết lập chân lý của một triết lý trên sự phù hợp của nó với một thời đại nhất định, và với trách vụ nhất định trong lịch sử. Như thế, ít là người ta mặc nhiên phủ nhận giá trị lâu dài của điều thật. Nhà duy lịch sử chủ trương rằng, điều đã đúng vào một thời đại có thể không còn đúng vào thời đại khác nữa. Tóm lại, họ cho lịch sử của một tư tưởng không đáng giá hơn những dấu vết khảo cổ học, mà người ta nại đến để trình bày những lập trường của quá khứ, mà ngày nay phần lớn đã lỗi thời không có giá trị đối với hiện tại. Trái lại, ta phải đinh ninh rằng, nếu cách phát biểu có lệ thuộc phần nào vào một thời đại và một nền văn hóa, thì dù sao chân lý hay sự sai lầm mà thời đại và nền văn hóa ấy giãi bày có thể được nhìn nhận và cứu xét như chúng có thực, bất kể quãng cách không gian và thời gian là thế nào đi nữa.

Trong suy tư thần học, thuyết duy lịch sử nỗ lực xuất hiện nhiều dưới hình thức của *“thuyết duy tân”*. Với bận tâm làm cho lý luận thần học trở thành hiện đại và có thể được người thời nay hấp thụ, người ta chỉ nại đến những khẳng định và ngôn ngữ triết học mới nhất, mà bỏ qua những vấn nạn phê bình mà ngẫu nhiên ta phải nêu lên dưới ánh sáng của truyền thống. Hình thức duy tân này, vì lẫn lộn hiện đại với chân lý, đã tỏ ra bất lực không thể thỏa mãn những đòi hỏi của chân lý mà thần học có thiên chức phải giải đáp.

**88.** Thuyết *duy khoa học* là một nguy cơ khác cần phải suy nghĩ. Quan niệm triết học này từ chối, không công nhận giá trị của những cách nhận thức khác với những cách thức riêng biệt của khoa học thực tiễn, họ liệt những nhận thức tôn giáo và thần học, cũng như kiến thức luân lý và thẩm mỹ, vào lãnh vực tưởng tượng thuần túy. Trước đây, quan niệm này được trình bày qua thuyết duy thực nghiệm và tân duy thực nghiệm, và cho những quả quyết có tính cách siêu hình là vô nghĩa. Phê bình luận đã làm cho lập trường ấy thất thế, nhưng nó đã tái sinh dưới những đường nét mới của thuyết duy khoa học. Trong phối cảnh này, những giá trị trở thành những sản phẩm suông của tình cảm, và ý niệm về hữu thể bị gạt ra ngoài lề để nhường chỗ cho *“tính sự kiện”*suông và thuần túy. Vậy nhờ sự phát triển kỹ thuật, khoa học đang chuẩn bị để chế ngự mọi khía cạnh của cuộc nhân sinh. Những thành quả không thể phủ nhận của khám phá khoa học, và của kỹ thuật học hiện đại, đã cộng tác vào việc truyền bá não trạng duy khoa học, có vẻ không còn giới hạn, bởi cách thức nó thấm nhập vào những nền văn hóa khác nhau, và bởi nó đã mang lại.những thay đổi tận gốc.

Nhưng thật bất hạnh khi nghiệm thấy rằng, thuyết duy khoa học coi tất cả những chi liên hệ đến ý nghĩa cuộc đời là phi lý và là chuyện giả tưởng. Theo trào tư tưởng ấy, ta không thể không thất vọng về cách nó tiếp cận với những vấn đề lớn của triết học, những vấn đề, hễ đã u minh, thì đều bị phân tách theo những tương tự hời hợt, thiếu nền tảng hữu lý. Điều đó nghèo nàn hoá sự suy tư nhân loại, bằng cách làm cho nó mất khả năng bàn hỏi các vấn đề căn bản mà *động vật có lý trí*, ngay từ khi xuất hiện trên mặt đất, vẫn liên lỉ đặt ra. Trong nhỡn quan ấy, sau khi đã tẩy chay sự phê phán theo tiêu chuẩn luân lý, não trạng duy khoa học đã thành công vì làm cho nhiều người công nhận ý niệm này là, điều gì có thể thực hiện về mặt kỹ thuật, tức cũng là điều có thể chấp nhận về mặt luân lý.

**89.** Thuyết *duy thực dụng*cũng để lộ ra ngần ấy nguy cơ, đây là thái độ của những người lựa chọn mà bỏ qua việc suy tư lý thuyết, hay những lối cân nhắc căn cứ trên những nguyên lý triết học. Những kết quả thực hành của lối suy nghĩ này thật đáng kể. Nói riêng, người ta đi đến chỗ bảo vệ một quan niệm dân chủ, không đếm xỉa gì đến việc qui chiếu theo những nền tảng thuộc lãnh vực nhân phẩm học, tức là những nền tảng bất biến; để quyết định có nên chấp nhận lối hành sử nào đó hay chăng, người ta căn cứ trên đa số phiếu của nghị viện.[[50]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn50) Kết quả của lối nhìn đó đã hiển nhiên: trong thực tế những nghị quyết luân lý lớn về con nguời sẽ lệ thuộc vào những cuộc thảo luận, được thực hiện dần dần bởi những cơ quan hiến định. Hơn nữa, nhân loại học ấy cũng lệ thuộc nhiều vào việc nó trình bày quan niệm một chiều về con người, những song quan luận phong hóa lớn và những phân tách hiện sinh về ý nghĩa của đau khổ và hy sinh, của sự sống và sự chết đều bị loại ra ngoài lề.

**90.** Đến lượt mình, những đề luận được cứu xét cho đến đây, lại dẫn tới một quan niệm tổng quát hơn; ngày nay thứ quan niệm ấy hình như làm thành một phối cảnh chung của những triết học đã tẩy chay ý niệm về hữu thể. Ở đây tôi nghĩ đến cái nhìn duy hư vô, là cái nhìn vừa phủ nhận mọi nền tảng, vừa chối bỏ mọi chân lý khách quan. *Thuyết duy hư vô* là sự phủ nhận nhân loại tính và chính căn tính của con người, trước khi đối lập với những đòi hỏi và với nội dung riêng biệt của lời Thiên Chúa. Quả thực, người ta không quên rằng, hễ người ta sao nhãng vấn đề về hữu thể, ắt sẽ dẫn đưa, một cách không thể tránh, đến chỗ mất tiếp xúc với chân lý khách quan, rút cuộc là đến chỗ không tiếp xúc với nền tảng, là điểm tựa cho phẩm giá con người. Như vậy người ta mở ra cái khả năng xoá khỏi dong nhan con người những nét, tỏ rõ con người giống như Thiên Chúa, để từng bước hạ thấp nó thành một ý muốn quyền lực hủy hoại, hay thành sự thất vọng trong cô đơn. Một khi đã làm cho chân lý xa lìa con người mà đòi làm cho con người được tự do, thì đó là chuyện hão huyền. Quả thực, chân lý và sự tự do thì song hành với nhau, hay cùng nhau bị tiêu diệt cách khốn nạn.[[51]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn51)

**91.** Khi bình luận những luồng tư tưởng mà tôi vừa nhắc tới, tôi không chủ ý trình bày một bức hoạ đầy đủ về tình trạng hiện nay của triết học: đàng khác cũng khó qui kết nó vào một bức hoạ toàn cảnh thống nhất. Tôi phải nhấn mạnh đến sự kiện là gia sản kiến thức và thông tuệ đã thực sự trở nên phong phú trong nhiều lãnh vực. Chỉ cần nhắc đến luận lý học, đến ngôn ngữ luận, phê bình luận, triết học về thiên nhiên, nhân chủng học, phân tách xâu sắc những kiểu cách tình cảm của nhận thực, việc xích gần cách hiện sinh đến việc phân tách sự tự do. Đàng khác, từ thế kỷ vừa qua, sự khẳng định nguyên lý nội tại, là trọng tâm của chủ trương duy lý, đã khơi dậy những phản ứng khiến phải triệt để bàn lại những thỉnh đề đã được coi là không còn thể tranh luận. Như thế đã xuất hiện trào lưu duy phi lý, đang khi phê bình luận cho thấy rõ ràng tính cách hư ảo của yêu sách tự kiến tạo tuyệt đối của lý trí.

Một vài nhà tư tưởng đã lấy hạn từ *“hậu hiện đại” [post-modernité]* mà phẩm định thời đại chúng ta. Hạn từ này, thường được dùng trong những khung cảnh khác nhau, ám chỉ sự nổi cộm của một tổng thể những nhân tố mới, vì tính cách phổ cập và hiệu lực của chúng, xem ra có thể gây nên những thay đổi có ý nghĩa và lâu bền. Vì thế, trước tiên hạn từ ấy được dùng để nói về những hiện tượng thuộc lãnh vực thẩm mỹ, xã hội hay kỹ thuật. Rồi nó được chuyển sang lãnh vực triết học, nhưng vẫn có phần mơ hồ, vì phán đoán về những điều mà người ta phẩm định là*“hậu hiện đại”*, thì có thể luân phiên là tích cực hay tiêu cực, và cũng vì không có sự đồng thuận về vấn đề tế nhị là đăt ranh giới cho những thời đại khác nhau của lịch sử. Nhưng không nên hoài nghi rằng, những trào lưu tư tưởng tự xưng là hậu hiện đại thì đáng được nghiên cứu cách chăm chú. Quả thực, đối với một số người trong nhóm này, thời gian của những chắc chắn đã qua đi một cách không thể cứu vãn, từ nay con người phải học sống trong một phối cảnh hoàn toàn thiếu ý nghĩa, dưới lá cờ của điều tạm bợ và phù du. Trong phê bình hủy diệt mọi chắc chắn, nhiều tác giả trong phê bình hủy diệt mọi chắc chắn, đã chối bỏ cả những chắc chắn của đức tin, vì không biết đến những phân biệt cần thiết.

Có thể nói rằng, thuyết Duy hư vô đã được biện minh bởi kinh nghiệm khủng khiếp về điều ác, đánh dấu thời đại chúng ta. Kinh nghiệm bi thảm này đã làm điêu đứng thuyết lạc quan duy lý, là thuyết nhìn thấy trong lịch sử sự phát triển thắng lợi của lý trí, nguồn mạch của hạnh phúc và của sự tự do, thành thử một trong những đe dọa trầm trọng nhất của cuối thế kỷ này là cơn cám dỗ về sự thất vọng.

Tuy nhiên quả thật cũng có một não trạng thực tiễn nào đó, vẫn tiếp tục nuôi cái ảo tưởng là, con người như một *con tạo (demiurge]*, nhờ những chinh phục khoa học và kỹ thuật, có thể tự mình hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình.

***Những phận vụ hiện nay của thần học***

**92.** Vào những thời đại khác nhau của lịch sử, trong chức năng hiểu biết Mặc khải, thần học luôn luôn được dẫn đưa để đón nhận các yếu tố của những nền văn hóa khác nhau để, qua trung gian của mình, hội nhập nội dung của đức tin vào những nền văn hóa đó theo một lối quan niệm mạch lạc. Ngay hiện nay, thần học vẫn có hai phận vụ. Quả thực, một đàng phải chu toàn sứ mạng mà Công Đồng Chung Vatican II đã ủy thác vào thời buổi của mình là: canh tân những phương pháp để phục vụ việc phúc âm hoá cho hiệu nghiệm hơn. Trong phối cảnh này, tại sao không nhắc lại những tuyên ngôn của Đức Gioan XXIII vào dịp khai mạc Công Đồng? Lúc đó người nói: *“Khi đáp lại sự nôn nóng chờ mong của những người yêu mến đạo Kitô, Công Giáo và tông truyền, đạo lý này phải được nhận biết sâu rộng hơn, các tâm trí phải được thấm nhuần và được huấn luyện về đạo lý ấy đầy đủ hơn; đạo lý chắc chắn và bất biến, mà người ta phải theo một cách trung thành hơn, cần phải được khám phá và được trình bày một cách phù hợp với đòi hỏi của thời đại chúng ta”*.[[52]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn52) Đàng khác, thần học phải nhìn vào chân lý sau cùng, được Mặc khải ủy thác cho mình, chứ đừng dừng lại ở những bước trung gian. Nhà thần học là nhớ lại rằng, công việc của mình thì đáp ứng với *“sự sinh động hiện hữu trong chính đức tin”*, và đối tượng riêng mà mình nghiên cứu là *“Chân lý, là Thiên Chúa hằng sống, cùng kế hoạch cứu độ của Người, được mặc khải nơi Chúa Giêsu Kitô”*.[[53]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn53) Bổn phận này, trước hết thuộc thần học, cũng liên lụy đến triết học. Quả thực, con số những vấn đề được đặt ra hiện nay đòi hỏi hoạt động chung, – dù được điều khiển bằng những phương pháp khác nhau, – để chân lý được nhìn nhận và giãi bày lại. Chân lý, là Đức Kitô, áp đặt như một quyền bính phổ quát điều hành, khích lệ và làm tăng trưởng cả thần học lẫn triết học *(xc. Ep 4, 15)*.

Việc tin tưởng vào khả năng nhạn biết chân lý có giá trị phổ quát, tuyệt nhiên không phải là nguồn mạch của sự bất khoan nhượng; trái lại là điều kiện cần thiết cho một cuộc đối thoại thành thực và chân chính giữa con người. Nhờ chính điều kiện này mới có thể vượt qua những chia rẽ, và cùng nhau đi trên con đường đưa đến chân lý toàn diện, bằng cách rảo qua những nẻo đường mà chỉ có Thần Linh của Chúa phục sinh biết.[[54]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn54) Theo những phận vụ hiện nay của thần học, bây giờ tôi muốn trình bày xem, ngày nay yêu sách thống nhất xuất hiện một cách cụ thể như thế nào.

**93.** Tiêu đích chính yếu của thần học hệ tại *trình bày sự hiểu biết Mặc khải và nội dung của đức tin.* Nhưng sự suy niệm chính mầu nhiệm Một Thiên Chúa Ba Ngôi mới là trọng tâm đích thực của suy tư thần học. Ta đi đến mầu nhiệm ấy bằng cách hồi suy về mầu nhiệm Nhập thể của Con Thiên Chúa: Đấng đã làm người, rồi đi đón cuộc khổ nạn và sự chết, một mầu nhiệm kết thúc trong sự phục sinh vinh quang và lên ngự bên hữu Chúa Cha, từ đó Người cử Thần chân lý đến để thiết lập và linh động hoá Giáo Hội của Người. Trong phối cảnh này, hiển nhiên phận vụ thứ nhất của thần học là hiểu biết sự tự hạ *[kenose]* của Thiên Chúa, mầu nhiệm chân thật và vĩ đại đối với trí khôn nhân loại; đối với trí khôn này hình như không thể bênh vực được rằng, sự đau khổ và sự chết có thể giãi bày tình yêu hiến tặng không đòi đáp trả. Do quan điểm này, yêu sách tiên quyết và khẩn thiết được đặt ra là một sự phân tách chăm chú những văn bản: trước hết là những văn bản Thánh Kinh, rồi đến những văn bản giãi bày Truyền thống sống động của Giáo Hội. Về điểm này, một số vấn đề được đặt ra ngày nay, chỉ mới mẻ một phần, những vấn đề không thể được giải đáp cách thoả đáng nếu không có sự đóng góp của triết học.

**94.** Yếu tố nghi hoặc thứ nhất liên hệ đến tương quan giữa điều được ám chỉ và đến chân lý. Cũng như mọi văn bản khác, những nguồn mạch, mà nhà thần học diễn giải, trước tiên thông đạt điều được ám chỉ, mà nhà thần học phải nắm bắt và trình bày. Vậy điều được ám chỉ này xuất hiện như chân lý về Thiên Chúa, do chính Thiên Chúa thông đạt qua văn bản Thánh Kinh. Như vậy ngôn ngữ của Thiên Chúa, thông đạt chân lý của mình với *“lòng khoan thứ”* lạ lùng, phù hợp với việc Nhập thể,[[55]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn55) hóa thân trong ngôn ngữ nhân loại. Khi diễn giải những nguồn mạch của Mặc khải, thần học cần phải lưu ý đến những giới hạn của ngôn ngữ, mà tìm hiểu xem đâu là chân lý sâu xa, và chân chính mà các văn bản muốn thông đạt.

Còn về những điều liên can đến văn bản Kinh Thánh, cách riêng là Tin Mừng, chân lý của chúng hẳn không thể giản lược vào sự tường trình những biến cố thuần túy lịch sử, hay đến việc mặc khải những sự kiện vô thưởng vô phạt *[faits neutres]*, như thuyết thực nghiệm duy lịch sử chủ trương.[[56]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn56) Trái lại, những văn bản ấy trình bày những biến cố hàm chứa chân lý trổi vượt trên sự kiện lịch sử đơn thuần: chân lý của chúng ở tại ý nghĩa nằm *trong* và *cho* lịch sử cứu độ. Chân lý này được giải thích đầy đủ trong sự diễn giải mà Giáo Hội vẫn theo đuổi qua các thế kỷ, bằng cách gìn giữ bất di bất dịch ý nghĩa nguyên sơ. Vậy theo quan điểm triết học, người ta cũng phải cấp thiết tra cứu về tương quan giữa sự kiện và ý nghĩa của nó, thứ tương quan tạo nên ý nghĩa riêng biệt của lịch sử.

**95.** Lời Thiên Chúa không đưọc gửi đến một dân tộc hoặc một thời đại. Cũng vậy, những biểu thức tín lý, dù đôi khi lệ thuộc vào văn hóa của thời đại đã chấp nhận chúng, vẫn bày tỏ một chân lý bền vững và dứt khoát. Nên phải tìm hiểu xem người ta làm cách nào để dung hòa tính tuyệt đối và tính phổ quát của chân lý với sự điều chế lịch sử và văn hóa không thể tránh của những công thức giãi bày chân lý. Như tôi đã nói trên đây, không thể bênh vực được những đề luận của thuyết duy lịch sử. Trái lại, việc áp dụng một lối chú giải am hợp với những đòi hỏi của siêu hình học có thể chứng minh được là, làm thế nào, khởi đi từ những hoàn cảnh lịch sử và bất tất, trong đó những văn bản được quan niệm, để đạt tới chân lý mà chúng giãi bày, thứ chân lý vượt lên trên những sự điều chế ấy.

Nhờ ngôn ngữ có tính lịch sử và cảnh huống của mình, con người có thể giãi bày những chân lý trổi vượt trên kết cấu ngữ học. Quả thực chân lý không bao giờ bị giam hãm trong thời gian và trong văn hóa; nó được biết đến trong lịch sử, nhưng nó vượt trên chính lịch sử.

**96.** Suy tư này giúp thoáng nhìn ra lối giải đáp cho một vấn đề khác, ấy là giá trị bền vững của ngôn ngữ trừu tượng được dùng trong những nghị quyết của Công Đồng Chung. Vị tiền nhiệm đáng kính của tôi, là Đức Giáo Hoàng Pio XII, đã đề cập đến vấn đề này trong *Thông điệp Humani Generis*.[[57]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn57)

Suy nghĩ về vấn đề này không phải là chuyện dễ, vì người ta phải nghiêm túc chú trọng đến ý nghĩa của các từ ngữ trong các nền văn hóa, và các thời đại khác nhau. Dù sao lịch sử của tư tưởng cũng chứng minh rằng qua sự biến hóa và khác biệt của những nền văn hóa, một số quan niệm nền tảng vẫn giữ được giá trị tri thức phổ quát và chân lý của những mệnh đề mà chúng giãi bày.[[58]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn58) Chẳng vậy, triết học và các khoa học không thể hiệp thông với nhau, và không thể được tiếp nhận bởi những nền văn hóa khác với nền văn hóa đã nghĩ tưởng và soạn thảo ra chúng. Vậy có vấn đề chú giải, nhưng có thể giải quyết được. Đàng khác, giá trị thiết thực của nhiều quan niệm đôi khi không làm cho ý nghĩa của chúng khỏi khiếm khuyết. Sự suy tư triết học có thể là một trợ giúp lớn lao trong lãnh vực này. Ước chi triết học dấn thân đặc biệt để đào sâu tương quan giữa ngôn ngữ trừu tượng và chân lý, và đề nghị những cách thức toàn ứng để thấu hiểu tương quan này cho đúng đắn.

**97.** Nếu sự giải thích các nguồn mạch là chức năng quan trọng của thần học, thì *sự thấu hiểu chân lý mặc khải*, hay là việc bồi đắp sự*hiểu biết đức tin*lại là một trong những phận vụ tế nhị và khẩn thiết nhất của nó. Như đã nói trên, sự *hiểu biết đức tin* giả định sự đóng góp của một triết học về hữu thể, trước hết giúp cho *thần học tín lý* đóng đúng chức năng của mình cho đầy đủ. Theo thuyết thực dụng tín lý của đầu thế kỷ này, thuyết đã bị phi bác và bị tẩy chay, những chân lý đức tin chỉ là những qui tắc về hạnh kiểm;[[59]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn59) dù thế, vẫn luôn luôn tồn tại sức dụ dỗ để hiểu những chân lý ấy một cách duy công dụng. Nếu quả thế, thì vẫn chỉ là sự xích gần không thích hợp, giản lược và thiếu sinh lực trừu tượng cần thiết. Chẳng hạn, một Kitô học chỉ diễn tiến *“từ dưới lên”* như người ta nói ngày nay, hay một Giáo Hội học chỉ được soạn thảo theo kiểu mẫu của các xã hội dân sự thì khó lòng tránh được loại duy giản lược này.

Nếu sự *thấu hiểu đức tin* muốn hội nhập mọi phong phú của truyền thống thần học thì phải nại đến triết học về hữu thể. Triết học này phải có khả năng lấy lại vấn đề về hữu thể, phù hợp với những đòi hỏi và những đóng góp của toàn thể truyền thống triết học, kể cả truyền thống mới nhất, bằng cách tránh sự lặp lại suông những mô hình cũ kỹ. Triết học về hữu thể, theo khuôn khổ của truyền thống siêu hình học Kitô, là một triết học sinh động, nhìn thấy thực tại trong những cấu trúc thực thể luận, nhân quả và tương quan. Nó tìm được sức mạnh và sự trường cửu của mình ở việc xây dựng trên chính hiện thể của hữu thể, cho phép nó cởi mở đầy đủ và tổng quát đối với hết mọi thực tại, bằng cách vượt trên mọi giới hạn cho đến khi đạt tới Đấng đưa mọi sự đến chỗ hoàn chỉnh. Trong thần học, có các nguyên lý của Mặc khải như một nguồn mạch mới của nhận thức, phối cảnh này được củng cố nhờ tương quan chặt chẽ liên kết đức tin và sự lý luận siêu hình.

**98.** Cũng có thể thực hiện những suy tư tương tự liên hệ đến *thần học luân lý*. Cũng khẩn thiết phải trở lại với triết học trong lãnh vực hiểu biết đức tin có liên hệ đến sinh hoạt của những tín hữu. Đứng trước những thách đố đương đại trong những lãnh vực xã hội, kinh tế, chính trị và khoa học, lương tâm luân lý của con người bị lạc hướng. Trong *Thông điệp Ánh Rạng Ngời Chân Lý*, tôi đã lưu ý rằng, nhiều vấn đề được đặt ra trong thế giới hiện nay, phát xuất từ *“sự khủng hoảng về vấn đề chân lý […]. Một khi mất ý niệm về một chân lý phổ quát về điều thiện mà lý trí con người có thể biết, thì quan niệm về lương tâm cũng phải thay đổi không thể tránh: lương tâm không còn được nhìn nhận trong thực tại bản lai của nó, nghĩa là như hành vi hiểu biết về nhân vị, có chức năng áp dụng sự nhận thức phổ quát về điều thiện vào một trường hợp nhất định, và như vậy là đưa ra phán đoán về phẩm hạnh đúng đắn phải lựa chọn ở đây và bây giờ; người ta có khuynh hướng qui cho lương tâm cá nhân đặc quyền qui định một cách độc lập, những tiêu chuẩn của thiện ác, và theo đó mà hành động. Lối nhìn này cũng đồng nhất với luân lý cá nhân chủ nghĩa, cho rằng mỗi người phải trực diện với chân lý của mình, khác vói chân lý của tha nhân”*.[[60]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn60)

Khắp nơi trong thông điệp, tôi đã minh bạch nhấn mạnh đến chức năng nền tảng của chân lý trong lãnh vực luân lý. Chân lý này, trong những điều liên can đến hầu hết những vấn đề phong hóa rất khẩn trương, đòi hỏi thần học luân lý phải thực hiện một suy tư sâu sắc, và phải nói một cách minh bạch rằng những vấn đề ấy ăn rễ trong lời của Thiên Chúa. Để có thể chu toàn sứ mạng đó, thần học luân lý phải nhờ đến luân lý triết học bàn về chân lý của điều thiện, nhiên hậu đến thứ luân lý không chủ quan, cũng không vụ lợi. Luân lý mà người ta chờ đợi vừa bao hàm vừa giả định một triết lý nhân chủng học và một siêu hình học về điều thiện. Khi nương tựa vào cái nhìn thống nhất, liên kết cách thiết yếu với sự thánh thiện Kitô giáo, và với sự thực hành các đức tính nhân bản và siêu nhiên, thần học luân lý sẽ có thể đề cập một cách thích hợp và hiệu nghiệm hơn đến những vấn đề khác nhau thuộc sở năng của mình, như vấn đề hoà bình, công bình xã hội, gia đình, bảo vệ sự sống và môi trường thiên nhiên.

**99.** Công tác thần học của Giáo Hội trước hết là phục vụ việc loan truyền lời của Thiên Chúa và dạy giáo lý.[[61]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn61) Loan báo Tin Mừng kêu mời sự trở lại bằng cách trình bày sự thật về Chúa Kitô, mà chóp đỉnh là Mầu nhiệm vượt qua: quả thực, chỉ có thể biết sự viên mãn của chân lý cứu độ trong Đức Kitô *(xc. Cv 4,12; 1Tm 2, 4-6)*.

Trong khung cảnh ấy người ta hiểu tại sao, bên cạnh thần học, việc nhắc đến *dạy giáo lý* có tầm quan trọng: quả thực, giáo lý có những hệ lụy triết học cần phải đào sâu theo ánh sáng đức tin. Giáo huấn do giáo lý cung cấp có ảnh hưởng trong việc đào tạo nhân vị. Giáo lý, cũng là sự thông đạt ngôn ngữ, cần phải trình bày đạo lý của Giáo Hội trong sự trọn vẹn của nó,[[62]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn62) bằng cách tỏ ra những tương quan của nó với đời sống của những tín hữu.[[63]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn63) Như vậy người ta liên kết được một cách đặc biệt giáo huấn với đời sống, và không thể thực hiện cách nào khác. Điều mà giáo lý thông đạt, không phải là một bộ những chân lý trừu tượng, mà là mầu nhiệm về Thiên Chúa hằng sống.[[64]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn64)

Sự suy tư triết học còn có thể giúp ích nhiều để làm sáng tỏ những tương quan giữa chân lý và cuộc đời, giữa biến cố và chân lý của đạo lý, và nhất là tương quan giữa chân lý siêu việt và ngôn ngữ nhân loại có thể hiểu.[[65]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn65) Vậy những trao đổi giữa các môn thần học và những thành quả đã đạt được bởi những trào lưu triết học khác nhau có thể là phong phú thực sự để loan truyền đức tin, và để thấu hiểu đức tin một cách sâu xa hơn.

\*\*\*

**KẾT LUẬN**

**100.** Hơn một trăm năm sau khi công bố *Thông điệp Aeterni Patris* của Đức Giáo Hoàng Leo XIII, thông điệp mà tôi đã qui chiếu nhiều lần trong những trang này, tôi thiết tưởng cần phải trình bày lại, và trình bày một cách có hệ thống hơn, những tương quan giữa đức tin và triết học. Hiển nhiên là tư tưởng triết học có tầm quan trọng lớn trong việc phát triển các nền văn hóa, và trong việc hướng dẫn những lối cư xử cá nhân cùng xã hội. Nó cũng ảnh hưởng mạnh đến thần học và những môn khác nhau của thần học, mà người ta không luôn luôn nhìn nhận cách minh thị. Vì những lý do đó, tôi nghĩ việc chính đáng và cần thiết là nhấn mạnh đến giá trị của triết học đối với việc hiểu biết đức tin, và đến những giới hạn mà triết học gặp khi lãng quên hay tẩy chay những chân lý của Mặc khải. Giáo Hội xác tín một cách thâm sâu rằng đức tin và lý trí *“hỗ trợ lẫn nhau”*,[[66]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn66) thi hành chức năng sàng lọc hoặc khích lệ lẫn nhau, để tiến tới trong việc nghiên cứu và thâm hiểu.

**101.** Nếu chúng ta nhìn qua lịch sử của tư tưởng, nhất là ở Tây phương, ta dễ khám phá ra sự giầu có mà cuộc gặp gỡ giữa triết học và thần học, cùng sự trao đổi những thành tựu riêng của chúng, đã mang lại cho sự tiến bộ của nhân loại. Thần học, mà số mạng cởi mở và tính chuyên biệt giúp nó hiện hữu như khoa học về đức tin, chắc chắn đã kích thích lý trí cởi mở đón nhận tính mới mẻ triệt để, mà mặc khải của Thiên Chúa hàm chứa. Và điều đó hẳn đã có lợi cho triết học, vì đã thấy khai mở ra những phối cảnh mới về những ý nghĩa chưa từng có, mà lý trí có thiên chức để đào sâu.

Chính nhờ sự nghiệm thấy đó, như tôi đã nhắc lại rằng, thần học có bổn phận tái lập tương quan chính thức với triết học, thì tôi nghĩ cũng phải nhấn mạnh rằng triết học phải tìm lại mối liên hệ với thần học, để mưu thiện ích và sự phát triển cho tư tưởng thì mới thích hợp. Triết học sẽ tìm thấy trong thần học không phải sự suy tư cá nhân, thứ suy tư, dù có sâu sắc và phong phú, vẫn mang theo những cái nhìn có giới hạn, là đặc trưng của tư tưởng cá nhân, nhưng là sự phong phú của suy tư chung. Thần học, trong việc nghiên cứu chân lý, được nâng đỡ thực sự và theo bản chất bởi tính cách *Giáo Hội* của nó.[[67]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn67) và bởi truyền thống của dân Thiên Chúa, nhờ sự triển nở phong nhiêu của những kiến thức và những nền văn hóa trong sự hiệp nhất của đức tin.

**102.** Khi nhấn mạnh đến tầm quan trọng và đến những chiều kích chân thực của tư tưởng triết học như thế, Giáo Hội cổ võ việc bảo vệ địa vị của con người một trật với việc loan báo sứ điệp Tin Mừng. Để hoàn thành những phận vụ này, thực ra ngày nay không có sự chuẩn bị nào khẩn cấp hơn sự chuẩn bị sau đây: hướng dẫn con người khám phá ra khả năng của họ để nhận biết chân lý,[[68]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn68) và nguyện vọng của họ đạt tới ý nghĩa tối hậu và dứt khoát của cuộc sống. Trong phối cảnh của những đòi hỏi xâu xa này, đã được Thiên Chúa in vào bản tính nhân loại, ý nghĩa nhân bản và nhân bản hoá của lời Thiên Chúa càng trở thành rõ rệt. Nhờ sự trung gian của triết học, đã trở thành sự thông tuệ đích thực, con người hiện kim sẽ đi đến chỗ nhìn nhận rằng, càng cởi mở đón nhận Đức Kitô, bằng cách đặt tín nhiệm vào Tin Mừng, họ càng là người hơn.

**103.** Đàng khác, triết học là như tấm gương trong đó phản chiếu văn hóa của các dân tộc. Một triết học, dưới sự thúc đẩy của những đòi hỏi của thần học, được phát triển ăn khớp với đức tin, là tham gia vào việc *“phúc âm hoá nền văn hóa”*, mà Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã vạch ra như một trong các tiêu đích nền tảng của việc phúc âm hoá.[[69]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn69) Đang khi tôi loan báo, không biết mỏi, sự khẩn trương của việc *Tân Phúc Âm hóa,* tôi tha thiết kêu mời các triết gia đào sâu những chiều kích của điều chân, thiện, mỹ mà lời Thiên Chúa dẫn tới. Điều đó sẽ trở thành khẩn thiết hơn nếu người ta lưu ý đến những thách đố, mà thiên niên mới hình như sẽ tung ra, những thách đố sẽ liên hệ cách đặc biệt đến những miền và những nền văn hóa thuộc truyền thống kito giáo cố cựu. Mối bận tâm này cũng phải được coi như phần hùn nền tảng và độc đáo trên con đường Tân Phúc Âm hóa.

**104.** Tư tưởng triết học thường là địa hạt duy nhất của sự hòa hợp và đối thoại với những ai không chia sẻ đức tin của chúng ta. Phong trào triết học đương đại đòi hỏi sự dấn thân khẳng khái và có hiệu lực của những triết gia Kitô hữu, có khả năng nhận ra những nguyện vọng, những cởi mở và những điều nghi nan trong thời buổi lịch sử này. Với một lý chứng đặt nền tảng trên lý trí, và phù hợp với những qui tắc của nó, đang khi các triết gia Kitô giáo luôn luôn được hướng dẫn bởi sự hiểu biết phụ thêm mà lời Thiên Chúa cung cấp, họ có thể phát triển một lý luận, mà cả những người chưa tiếp thu được chân lý đầy đủ, do Mặc khải của Thiên Chúa giãi bày, cũng hiểu được và còn cho là lý chứng chín chắn. Ngày nay địa hạt hòa hợp và đối thoại này càng trở nên quan trọng khi nhiều vấn đề được đặt ra một cách khẩn thiết hơn cho nhân loại – chẳng hạn những vấn đề về môi sinh, về hoà bình và sự chung sống của các chủng tộc và các nền văn hóa – có thể được giải quyết nhờ sự hợp tác thành thực và đoan chính của những Kitô với những tín đồ của các tôn giáo khác, và với những người, dù không chia sẻ niềm xác tín của tôn giáo, nhưng tha thiết với việc canh tân của nhân loại. Công Đồng Chung Vatican II đã khẳng định: *“Niềm ước mong đối thoại đó chỉ do lòng yêu chân lý hướng dẫn, và dĩ nhiên vẫn giữ được sự khôn ngoan thích hợp; về phần chúng tôi, niềm ước vọng này không loại trừ ai hết: từ những nguời đang tôn thờ những giá trị tinh thần nhân bản cao quí mà chưa nhận biết Đấng Tạo Thành, đến những ai chống đối và bách hại Giáo Hội nhiều cách”*.[[70]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn70) Một triết học trong đó phản chiếu phần chân lý nào đó của Chúa Kitô, là câu trả lời duy nhất và dứt khoát cho những vấn đề của con người,[[71]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn71)sẽ làm điểm tựa hiệu nghiệm cho một nền phong hóa đích thực, đồng thời là máy hành tinh mà nhân loại ngày nay cần đến.

**105.** Tôi phải kết thúc Thông điệp này bằng cách ngỏ lời một lần nữa và riêng với *các thần học gia*, để họ đặc biệt lưu ý đến những liên hệ triết lý của lời Thiên Chúa, và để họ thực hiện thứ suy tư làm phát hiện ra tính trù mật lý thuyết và thực hành của khoa thần học. Tôi xin cám ơn các thần học gia về công lao của họ trong việc phục vụ Giáo Hội. Mối liên hệ mật thiết giữa thông tuệ thần học và kiến thức triết học, là một trong những sự giầu có rất nền tảng của truyền thống Kitô giáo để đào sâu chân lý mặc khải. Cho nên tôi khuyến khích các thần học gia lấy lại, và tận lực làm tăng giá chiều kích siêu hình của chân lý, để có thể đối thoại với tư tưởng triết học đương đại một cách phê bình và câu thúc, cũng như với mọi truyền thống triết học, chẳng kỳ là hòa hợp hay đối lập với lời Thiên Chúa. Ước chi các thần học gia luôn ghi lòng tạc dạ khẩu hiệu của vị thầy vĩ đại về tư tưởng và về linh đạo, là thánh Bonaventura, khi dẫn nhập vào *Itinerarium mentis in Deum*, thánh nhân đã mời gọi độc giả *“đừng tưởng mình có thể thỏa mãn với việc đọc mà không cảm động, với suy tư mà không sốt sáng, khám phá mà không ngạc nhiên, khôn ngoan mà không mừng rỡ, hoạt động và không đạo đức, tri thức mà không bác ái, hiểu biết mà không khiêm nhường, với sự học hành tách rời ân sủng của Chúa, với sự hồi suy tách rời sự thông tuệ do Thiên Chúa soi sáng”*.[[72]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn72)

Ý nghĩ của tôi cũng hướng đến các vị *đảm trách việc đào tạo linh mục* về học vấn cũng như về mục vụ, để các vị đặc biệt chăm chú đến việc huấn luyện triết học cho những ai có bổn phận loan báo Tin Mừng cho con người thời nay, hơn nữa, cho những ai phải hiến thân dạy thần học và nghiên cứu. Ước chi các vị nỗ lực thi hành công việc theo ánh sáng những qui tắc của Công Đồng Chung Vatican II[[73]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn73) và những quuyết định hậu đính, làm nổi bật bổn phận cấp bách và cần thiết của mọi người phải tham gia vào việc thông đạt chính thức và sâu xa những chân lý đức tin. Đừng ai quên rằng trách nhiệm nghiêm trọng là phải bảo đảm lấy một ban giáo sư, được đào tạo trước cho đầy đủ, để dậy triết học trong các Chủng viện và trong những phân khoa của Giáo Hội.[[74]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn74) Việc đào luyện này cần phải được chuẩn bị trước bằng kiến thức thích hợp, lại phải được quan niệm một cách có hệ thống bằng cách để gia sản vĩ đại của truyền thống Kitô giáo trước mặt, và được theo đuổi bằng sự biện phân thích hợp trước những nhu cầu hiện nay của Giáo Hội và của thế giới.

**106.** Tôi cũng xin mời gọi *các triết gia và những giáo sư triết học* can đảm tìm lại, trong vết tích của truyền thống triết học bất biến và có giá trị, những thể thức của sự thông tuệ chính thức và của chân lý, kể cả chân lý siêu hình, trong tư tuởng triết học. Ước chi các triết gia được hối thúc bởi những đòi hỏi phát xuất từ lời của Thiên Chúa, và ước chi họ được đủ nghị lực để điều khiển sự suy nghĩ và lập luận của họ theo sự hối thúc ấy. Ước chi họ luôn hướng về chân lý và chú ý đến điều thiện hàm chứa trong điều thật. Như vậy họ có thể đưa ra một thứ phong hóa chính thức, mà nhân loại đang cần đến một cách cấp thiết, nhất là trong những năm gần đây. Giáo Hội theo rõi những nghiên cứu của họ một cách chăm chú và có thiện cảm; vì thế họ nên yên tâm về sự tôn trọng của Giáo Hội đối với quyền độc lập chính đáng thuộc khoa học của họ. Tôi đặc biệt khích lệ các tín hữu hoạt động trong ngành triết học, để họ soi sáng những lãnh vực hoạt động nhân bản khác nhau, bằng cách tập luyện lý trí, thứ lý trí càng đón nhận sự nâng đỡ của đức tin càng trở nên chắc chắn, và hữu hiệu một ngày một hơn.

Tôi cũng không thể thiếu sót mà không hướng tới những nhà*khoa học*, những người nhờ các nghiên cứu của mình, mang lại cho chúng ta kiến thức phát đạt về vũ trụ trong tổng thể của nó, và về sự khác biệt phong phú lạ lùng của những thành tố có sinh sống cũng như vô hồn, với những cấu trúc hạt nhân phân tử phức hợp của nó. Trên lộ trình đã trải qua, nhất là trong thế kỷ này, họ đã vượt qua những chặng đường, không ngừng cảm kích chúng ta. Khi tỏ bày lòng ngưỡng mộ và những khích lệ của tôi đối với những nhà tiên phong dũng cảm trong việc nghiên cứu khoa học, nhờ họ mà nhân loại có được sự phát triển lớn lao hiện nay, tôi thấy có bổn phận khuyến khích họ theo đuổi những cố gắng của họ, đang khi luôn luôn sống trong tầm nhìn *thông tuệ*, trong đó những hiểu biết khoa học và kỹ thuật phối hợp với những giá trị triết lý và luân lý, là những biểu hiện riêng biệt và cốt yếu của nhân vị con người. Nhà khoa học ý thức rõ ràng rằng*“sự tìm kiếm chân lý, dù liên hệ đến thực tại hữu hạn của thế giới hay của con người, thì vô tận, nhưng luôn luôn qui hướng về điều gì cao cả hơn là đối tượng học hỏi trực tiếp, về những vấn đề mở lối vào Mầu nhiệm”*.[[75]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftn75)

**107.** Đối với *mọi người*, tôi xin các bạn suy nghĩ thâm sâu về con người, mà Đức Kitô đã cứu vãn bằng mầu nhiệm tình thương của Người, về sự con người nghiên cứu liên lỉ chân lý và ý nghĩa. Những hệ thống triết học khác nhau, nhờ phỉnh gạt, đã làm cho con người xác tín rằng mình là chủ tể tuyệt đối của chính mình, có thể quyết định một cách tự lập vận mạng và tương lai của mình, bằng cách cậy vào chính mình và vào những năng lực của mình. Sự cao cả của con người không bao giờ có thể là như thế. Để đạt được sự hoàn chỉnh nhân bản, quyết định duy nhất là chủ tâm đi đến chân lý, bằng cách xây dựng trú quán của mình dưới bóng của sự Thượng trí và trụ tại đó. Chỉ trong khát vọng chân lý con người mới biết sử dụng đầy đủ sự tự do và ơn gọi của mình, là yêu mến và nhận biết Thiên Chúa, là sự hoàn chỉnh tối thượng của chính mình.

**108.** Tư tưởng sau cùng của tôi hướng về Đấng mà lời kinh của Giáo Hội cầu khẩn như Tòa Đấng Thượng Trí. Cuộc đời của Người quả là ẩn dụ đích thực, có thể chiếu giãi ánh sáng trên suy tư mà tôi đã thực hiện. Quả thực, người ta có thể thoáng nhìn thấy sự hài hòa sâu xa giữa ơn gọi của Đức Trinh nữ diễm phúc, với ơn gọi của triết học chính thức. Cũng như Đức Trinh nữ được mời gọi hiến dâng toàn thể nhân loại tính và nữ tính của mình, để Ngôi Lời Thiên Chúa có thể nhập thể và trở thành một người trong chúng ta, thì triết học cũng được kêu gọi để thực thi công việc suy lý và phê bình của mình, để thần học trở thành sự hiểu biết phong nhiêu và hữu hiệu về đức tin. Và như Đức Maria, khi ưng thuận lời truyền tin của sứ thần Gabriel, không làm cho nhân loại tính và sự tự do chính thức của Người mất mát gì, thì tư tưởng triết học, khi đón nhận lời mời gọi phát xuất từ chân lý của Tin Mừng, thì cũng không làm cho quyền tự lập của nó mất mát chi hết, nhưng còn thấy mình đạt được chỗ hoàn chỉnh cao cả trong mọi nghiên cứu của mình. Các vị ẩn sĩ thánh thiện của Kitô giáo cổ thời đã thấu hiểu chân lý này, khi các vị xưng tụng Đức Maria là cái *bàn hiểu biết về đức tin.*Các ngài nhìn thấy nơi Đức Maria hình ảnh mạch lạc của triết học đích thực, và các ngài xác tín rằng mình phải *“được Đức Maria dạy cho biết lý luận”.*

Ước chi Tòa Đấng Thượng Trí là nơi trú ẩn cho những ai dành cả cuộc đời để nghiên cứu sự thông tuệ! Ước chi con đường của sự thông tuệ, mục đích tối hậu và chính thức của mội kiến thức chân thật, được thoát ly khỏi mọi trở ngại, nhờ lời cầu bầu của Đấng, khi sinh ra Chân lý và giữ gìn chân lý trong lòng, mãi mãi chia sẻ chân lý ấy cho toàn thể nhân loại!

*Ban hành tại Rôma, gần đền thờ thánh Phêrô,*

*ngày 14 tháng 9 năm 1998, lễ suy tôn Thánh giá,*

*năm thứ 20 triều đại Giáo Hoàng của Tôi.*

***+ JOHANNES PAUL II***

*Giáo Hoàng*

[[1]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref1) Xc. Đức Giáo Hoàng Pie XII, *Thông điệp Humani Generis (Nhân Loại)* (12 Aout 1950): AAS 1950, p. 566.

[[2]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref2) Xc. Công Đồng Chung Vatican I, *Hiến chế Pastor Aeternus (Mục Tử Muôn Đời)*: DS 3070; Công Đồng Chung Vatican II, *Hiến chế Lumen Gentium (Ánh Sáng Muôn Dân)*, số 25.

[[3]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref3) Xc. Synode de Constantinople *(Tài Liệu làm việc Công Đồng Constantinople)*: DS 403

[[4]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref4) Xc. DS 205; DS 459-460; Sixte V, Bulle *Coeli et terrae Creator* (5 janv. 1586); *Bullarium Rômanum* 44, Rome (1747), pp. 176-179; Urbain VIII, *Inscrutabilis judiciorum* (1er avril 1631):*Bullarium Rômanum* 61, Rome (1758), pp. 268-270

[[5]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref5) Xc. Công Đồng Chung Vienne, *Décret Fidei catholicae*: DS 902; Công Đồng Chung Latran V,*Bulle Apostolici regiminis*: DS 1440.

[[6]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref6) DS. 2751-2756; 2765-2769

[[7]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref7) Xc. S.Congr. Indicis, *Décret Theses contra traditionalismum* *Augustini Bonnetty* (11 juin 1855): DS. 2811-2814.

[[8]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref8) Xc. Đức Giáo Hoàng Pie IX, *Bref Eximiam tuam* (15 juin 1857): DS. 2828-2831; *Bref Gravisssimum inter* (11 décembre 1862): DS 2850-2861.

[[9]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref9) Xc. S. Congr. du Saint Office, *Décret Errores ontologistarum* (18 sept. 1861): DS 2841-2847.

[[10]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref10) Xc. Công Đồng Vatican I, *Hiến chế Dei Filius (Con Thiên Chúa)*, II: DS. 3004; can 2, 1: DS 3026.

[[11]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref11) *Ibid.*, DS. 3015; Công Đồng Vatican II, *Hiến chế Gaudium et Spes (Niềm Vui và Hy Vọng)*, số 59.

[[12]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref12) Công Đồng Chung Vatican I, *Hiến chế Dei Filius (Con Thiên Chúa)*, IV: DS. 3017.

[[13]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref13) Xc. Đức Giáo Hoàng Piô X, *Thông điệp Pascendi Dominici Gregis (Nuôi Dưỡng Đoàn Dân Chúa)*, (8 sept.1907): ASS 1907, pp. 596-597.

[[14]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref14) Xc. Đức Giáo Hoàng Pie XI, *Thông điệp Divini Redemptoris (Thiên Chúa Cứu Độ)*, (19 mars 1937): AAS, 1937, pp. 65-106.

[[15]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref15) Đức Giáo Hoàng Pie XII, *Thông điệp Humani Generis (Nhân Loại)* (12 Aout 1950): AAS 1950, p. 562-563.

[[16]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref16) *Ibid.*, pp.563-564

[[17]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref17) Xc. Đức Giáo Hoàng Jean Paul II, *Tông huấn Pastor Bonus (Mục Tử Nhân Lành)*, (28 juin 1988), art. 48-49: AAS 1988, p. 873; Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Huấn thị Donum Veritatis (Thiên Chúa Chân Thật)*, (24 mai 1990), số 18: AAS 1990, p. 1558

[[18]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref18) Xc. Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Huấn thị Libertatis nuntius (Tự Do Kitô Giáo)*, (6 aout 1984), VII-X: AAS (1984), pp. 890-903.

[[19]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref19) Với những lời lẽ rõ ràng và được phát biểu với uy thế, Công Đồng Chung Vatican I đã lên án điều sai lầm này, một đàng khẳng định rằng: *“đối với đức tin […] Giáo Hội Công Giáo tuyên xưng, đây là một nhân đức siêu nhiên, nhờ đó, dưới sự soi sáng của Thiên Chúa và sự trợ giúp của ân sủng, chúng tôi tin những điều Người mặc khải cho cúng ta là chân thật, không phải vì chân lý nội tại được ánh sáng tự nhiên của lý trí nhận ra, mà vì chính Thiên Chúa mặc khải, Đấng không thể sai lầm cũng thể đánh lừa chúng ta”*: *Hiến chế Dei Filius (Con Thiên Chúa)*, III: DS 3008; can. 3, 2: DS 3032. Đàng khác, Công Đồng Chung cũng tuyên bố là lý trí tự nhiên không bao giờ *“có thể thấu hiểu [những mầu nhiệm] cũng một cách như những chân lý thuộc về đối tượng riêng của nó”*:*Ibid.*,. IV: DS 3016. Từ đó dẫn xuất ra kết luận thực hành: *“Những tín hữu chẳng những không được bảo vệ những ý kiến bị coi là nghịch với đức tin như là những kết luận hợp pháp của hoa học, nhất là khi những ý kiến ấy đã bị Giáo Hội luận phi, trái lại phải coi chúng như những sai lầm ngụy trang dưới bộ dạng chân lý”*: *Ibid.*, IV: DS 3018.

[[20]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref20) Công Đồng Vatican II, *Hiến chế Dei Verbum (Lời Thiên Chúa)*, số 9-10.

[[21]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref21) *Ibid.*, số 21.

[[22]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref22) *Ibid.*, số 10.

[[23]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref23) Xc. Đức Giáo Hoàng Pie XII, *Thông điệp Humani Generis (Nhân Loại)*, (12 aout 1950): AAS (1950), pp. 565-567; 571-573

[[24]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref24) Xc. Đức Giáo Hoàng Léon XIII, *Thông điệp Aeterni Patris (Chúa Cha Hằng Hữu)*, (4 aout 1879): ASS (1878-1879), pp. 97-115.

[[25]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref25) *Ibid.*,: l.c. p. 109.

[[26]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref26) Công Đồng Vatican II, *Hiến chế Gaudium et Spes (Vui Mừng và Hy Vọng)*, số 20-21.

[[27]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref27) Đức Giáo Hoàng Gioan Phalô II, *Thông điệp Redemtor Hominis (Đấng Cứu Độ Con Người)*, số 8.

[[28]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref28) Công Đồng Vatican II, *Sắc lệnh Optatam Totius (Đào tạo Linh Mục)*, số 15.

[[29]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref29) Xc. Jean-Paul II Const. apost. *Sapientia christiana* (15 avril 1979, art. 79-80: AAS (1979) pp. 495-496; Exhort. apost. post-synodale *Pastores dabo vobis* (25 mars 1992,n. 52: AAS (1992) pp. 750-751; *Discours à l’Athénée pont. intern .Angelicum*(17 nov. 1979): La Doc. cat. (1979), pp. 1067-1071; *Discours aux participants du VIIIe Congrès thomiste intern*. (13 sept. 1980): Insegnamenti III, 2 (1980) pp. 604-615; *Discours aux* *participants au Congrès intern. de la Société “Saint Thomas” sur la doctrine de l’âme chez saint Thomas* (4 janv. 1986): La Doc. cat. (1986), pp. 235-237; S. Congr. pour l’Education cath*. Ratio fundamentalis institutionis sacerdotalis* (6 janv. 1970) nn. 70-75: AAS (1970) pp. 366-368; Décret *Sacra Theologia* (20 janv. 1972): AAS (1972) pp. 583-586.

[[30]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref30) Xc. Công Đồng Vatican II, *Hiến chế Gaudium et Spes (Niềm vui và Hy vọng)*, số 57, 62.

[[31]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref31) Ibid., số 44.

[[32]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref32) Xc. Bulle *Apostolici regimini sollicitudo*, Session VIII: *Conc. oecum. Decreta* (1991), pp. 605-606

[[33]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref33) Xc. Công Đồng Vatican II, *Hiến chế Dei Verbum (Lời Thiên Chúa)*, số 10.

[[34]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref34) St. Thomas Aquinas, *Summa Theologiae*, II.II, q.5, a.3, ad 2.

[[35]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref35) *“Việc tìm hiểu xem, trong những điều kiện nào, con người tự đặt ra cho mình những câu hỏi cơ bản và đầu tiên về ý nghĩa của cuộc đời, về mục đích mà nó muốn vạch ra và về điều chờ đợi nó sau khi chết, làm thành khai đoạn cần thiết (préambule nécessaire) cho thần học nền tảng, để ngay hiện nay đức tin cũng có thể chỉ đường một cách đầy đủ cho lý trí thành thực tìm kiếm chân lý”*: Jean-Paul II, *Lettre aux par-ticipants au Congrès de la théologie fondametale organisé pour 125e anniversaire* de la Const. dogm. *Dei Filius* (30 sept. 1995), n. 4: La Doc. cat. (1995) pp. 972-973

[[36]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref36) *Ibidem.*

[[37]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref37) Xc. Công Đồng Vtican II, *Hiến chế Gaudium et Spes (Niềm vui và Hy vọng)*, số 15; *Sắc lệnh Ad Gentes (Đến với Muôn Dân)*, số 22.

[[38]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref38) St. Thomas d’Aquin, *De coelo*, 1, 22.

[[39]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref39) Xc. Công Đồng Vatican II, *Hiến chế Gaudium et Spes (Niềm Vui và Hy Vọng)*, số 53-59.

[[40]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref40) Thánh Augustino, *De praedestinatione sanctorum*, 2,5: PL 44, 963.

[[41]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref41) Thánh Augustino, *De fide, spe et caritate,*7: CCL 64, p. 6.

[[42]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref42) Công Đồng Chung Chalcédoine, *Symbole*, Définition: *DS* 302.

[[43]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref43) Xc. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Redemtor Hominis (Đấng Cứu Độ Con Người)*, (4.3. 1979), số 15: AAS (1979) pp. 286-289.

[[44]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref44) Xc. St. Thomas Aquinas, *Summa Theologiae*, I, q.16, a.1; St. Bonaventura, *Coll. in Hex*., 3, 8, 1

[[45]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref45) Công Đồng Vatican II, *Hiến chế Gaudium et Spes (Niềm vui và Hy vọng)*, số 15.

[[46]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref46) Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Veritatis Splendor (Ánh Rạng Ngời Chân Lý)*, (06-08-1993), số 57-61: AAS (1993), tr. 1179-1182.

[[47]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref47) Xc. Công Đồng Vatican I, *Hiến chế Dei Filius (Con Thiên Chúa)*, IV: DS 3016.

[[48]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref48) Xc. Công Đồng Latran IV, *Về sai lầm của viện phụ Joachim*, II: DS 806.

[[49]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref49) Xc. Công Đồng Vatican II, *Hiến chế Dei Verbum (Lời Thiên Chúa)*, số 24; *Sắc lệnh Optatam Totius (Đào tạo Linh Mục)*, số 16.

[[50]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref50) Xc. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Evangelium Vitae (Tin mừng về sự sống)*, 25-03-1995, số 69.

[[51]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref51) Xc. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Redemtor Hominis (Đấng Cứu Độ Con Người)*, số 12: AAS (1979), pp. 280-281.

[[52]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref52) Discours à l’ouverture du Concile (11 nov. 1962): AAS (1962), p. 792.

[[53]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref53) Congr. pour la Doctrine de la Foi, Instruction sur la Vocation ecclé-siale du Theologien,*Donum veritatis* (24 mai 1990), nn. 7-8: AAS (1990), pp. 1552-1553

[[54]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref54) Xc. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Dominum et Vivificantem (Thiên Chúa và Đấng Ban Sự Sống)*, 18-05-1986, số 6: AAS (1986), pp. 815-816.

[[55]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref55) Xc. Công Đồng Vatican II, *Hiến chế Dei Verbum (Lời Thiên Chúa)*, số 13.

[[56]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref56) Xc. Commission biblique pontificale, *Instruction sur la vérité historique des Evangiles* (21 avril 1964): AAS (1964), p. 713.

[[57]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref57) *“Cũng hiển nhiên là Giáo Hội không thể cấu kết với bất cứ hê thống triết học nào chỉ chế ngự trong một thời gian vắn; nhưng những biểu thức được kiến lập, qua nhiều thế kỷ, với sự đồng thuận của các Tiến sĩ Công Giáo, để hiểu biết phần nào tín điều, quả không nương tựa trên nền tảng mong manh đâu. Quả thực, những biểu thức được xây dựng trên những nguyên lý và những quan niệm dẫn xuất bởi sự nhận thức chân thực những vật thụ tạo; trong việc suy diễn những nhân thức này, chân lý mặc khải như ngôi sao đã soi sáng trí tuệ con người, qua trung gian của Giáo Hội. Vì thế, không có chi phải ngạc nhiên, nếu một số những quan niệm chẳng những được dùng trong các Công Đồng Chung, hơn nữa còn được phê chuẩn đến độ không được phép tẩy chay”*: AAS (1950), pp. 566-567; xc. La Documentation catholique, 1990, pp. 489-502.

[[58]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref58) *“Còn về ý nghĩa của những công thức tín lý, ý nghĩa ấy luôn luôn đúng và vẫn y nguyên trong Giáo Hội, cả khi nó trở thành sáng sủa hơn và được hiểu biết một cách toàn diện hơn. Vậy những tín hữu phải coi chừng ý kiến mà ta có thể lược tóm như sau: trước hết những công thức tín lý, hay một loại nào trong các công thức ấy, không thể biểu thị chân lý một cách nhất định, nhưng chỉ biểu thị những xích lại gần đang đổi thay của chân lý, làm cho nó biến dạng và sai lệch”* (S. Congr. pour la Doctrine de la Foi, Déclaration sur la doctrine catholique concernant l’Eglise,*Mysterium Ecclesiae* (24 juin 1973) n. 5: AAS (1973), p. 403.

[[59]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref59) Xc. Congr. du Saint-Office, *Décret Lamentabili* (3 juillet 1907), n. 26: ASS (1907), p. 473.

[[60]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref60) Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Veritatis Splendor (Ánh Rạng Ngời Chân Lý)*, 06-08-1993, số 32.

[[61]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref61) Xc. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Tông huấn Catechesi Tradendae (Giáo huấn trong thời đại ngày nay)*, 16-10-1979), số 30: AAS (1979), pp. 1302-1303; Congr. pour la Doctrine de la Foi, Instruction sur la vocation ecclésiale du theologien *Donum veritatis* (24 mai 1990), n. 7: AAS (1990), pp. 552-1553.

[[62]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref62) *Ibidem*.

[[63]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref63)*Ibid.*, số 30, p. 1295-1296.

[[64]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref64) *Ibid.*, số 22: l.c. p. 1282.

[[65]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref65) *Ibid.*, số 59: l.c. p. 1325.

[[66]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref66) Công Đồng Vatican I, *Hiến chế Dei Filius (Con Thiên Chúa)*, IV: DS 3019.

[[67]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref67) Đức Giáo Hoàng Gioan Phalô II, *Thông điệp Redemtor Hominis (Đấng Cứu Độ Con Người)*, 04-03-1979, số 19: AAS 1979, p. 308: *“Không ai có thể coi thần học như thể chỉ hệ tại việc thuyết trình những tư tưởng cá nhân của mình; nhưng ai nấy phải ý thức là mình liên kết chặt chẽ với sứ vụ giảng dạy chân lý, mà Giáo Hội đảm trách”*.

[[68]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref68) Xc. Công Đồng Chung Vatican II, *Tuyên ngôn Digitatis Humanae (Phẩm Giá Con Người)*, các số 1-3.

[[69]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref69) Xc. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, *Tông huấn Evangelii Nuntiandi (Loan Báo Tin Mừng)*, (8 dec. 1975), số 20: AAS (1976), pp. 18-19.

[[70]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref70) Công Đồng Vatican II, *Hiến chế Gaudium et Spes (Vui Mừng và Hy Vọng)*, số 92.

[[71]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref71) Xc. Công Đồng Vatican II, *Hiến chế Gaudium et Spes (Vui Mừng và Hy Vọng)*, số 10.

[[72]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref72) St. Bonaventura, *Opera omnia*, Florence 1891, t.V p. 296.

[[73]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref73) Xc. Công Đồng Vatican II, *Sắc lệnh Optatam Totius (Đào tạo Linh Mục)*, số 15.

[[74]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref74) Xc. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Tông huấn Sapientia Christiana (Minh Triết Kitô Giáo)*, 15-04-1979, art. 67-68: AAS (1979), pp. 491-492.

[[75]](http://catechesis.net/thong-diep-fides-et-ratio-duc-tin-va-ly-tri-cua-dgh-gioan-phaolo-ii-ngay-14-09-1998-2/%22%20%5Cl%20%22ftnref75) Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Diễn văn kỷ niệm 600 năm thành lập Đại học Jagellone*, Cracovie, 08-06-1997, số 4: *La Doc. cath*. (1997), p. 677.